LẠC BANG VĂN LOẠI

QUYỂN 3

- LOẠI BI KÝ (có mười chín bài)

1. Bài Ký về Viện Tu Tịnh độ chùa Hưng long của Lễ Bộ Liễu Tử Hậu.

2. Bài Bia về Hòa thượng Vô Tánh ở Nhạc châu của Lễ Bộ Liễu Tử Hậu.

3. Bài Ký về vẽ tranh Tịnh độ Tây phương của Hàn Lâm Bạch Cư Dị.

4. Bài Bia về người đứng đầu Bạch Liên xã ở Tiên đường của Pháp sư Lô Sơn Trí Viên.

5. Bài Ký về tượng Di-đà bảy ở Tịnh từ của Đề Hình Dương Kiệt.

6. Bài Ký về xây giác báu Di-đà của Đề Hình Dương Kiệt.

7. Bài Ký về Viện Tịnh độ chùa Diên khánh của Đãi Chế Trần Quán.

8. Bài Ký về sửa sang lại viện tu Tịnh độ ở chùa Diên khánh của Thủ Tọa Phác Am Thanh Triết.

9. Bài Ký về xây dựng tượng ba vị Thánh ở chùa Khai nguyên của Luật sư Đại Trí Nguyên Chiếu.

10. Bài Ký về tạo tượng Di-đà ở viện Vô Lượng của Luật sư Đại Trí Nguyên Chiếu.

11. Bài Ký về am An dưỡng ở Linh sơn của Cấp Sự Trình Câu.

12. Bài Ký Hoàng Đế Cao Tông viết tặng Liên xã của Tổng Quản Trương Luân.

13. Bài Ký về tháp Di-đà ở núi Nam nhạc của Thiền sư Mục Am Pháp Trung.

14. Bài Ký về đạo tràng Tịnh độ ở Trừng giang của Thiền sư Pháp Chân Thủ Nhất.

15. Bài Ký về tranh vẽ ở trên vách của Liên xã ở Viện Bảo Tích của Ty Phong Chung Ly Tòng.

16. Bài Ký về Kinh Vương Việt Quốc phu nhân vãng sinh của Thân Các Huỳnh Sách.

17. Bài Ký về Mã Thị Lang vãng sinh của Thân Các Huỳnh Sách

18. Bài Ký về Quảng Bình phu nhân vãng sinh của Đãi Chế Vương Dĩ Ninh.

19. Bài Ký về tháp xá-lợi của chim Anh Võ ở Hà đông của Duẫn Vi Cao ở Thành đô.

- ***Loại Truyện*** (Mười bốn bài).

1. Truyện về Bồ-tát Ngũ Thông ở Thiên trúc thỉnh Phật.
2. Truyện về Pháp sư Tuệ Viễn là Thỉ Tổ Liên xã đời Đông Tấn.
3. Truyện về năm vị Tổ Pháp sư nối nhau nhiều đời của Liên xã.
4. Truyện về ngài Pháp Duyệt Tăng Chủ ở kinh đô thời Lương.
5. Truyện về Pháp sư Bích Cốc Thần Loan Hậu Ngụy.
6. Truyện về Thiền sư Lô sơn Đạo Trân đời Lương.
7. Truyện về Pháp sư Thiên Thai Pháp Trí đời Tùy.
8. Truyện về Thiền sư Vĩnh Minh Trí Giác đời Đại Tống.
9. Truyện về Trinh Tiết Xử Sĩ Dũ Tiên đời Lương.
10. Truyện về Vô Vi Tử Dương Đề Hình đời Đại Tống.
11. Truyện về Vương Ty Sĩ ở Quang châu đời Đại Tống.
12. Truyện về Hồ Tuyên Nghĩa ở Tiền đường đời Đại Tống.
13. Truyện về cư sĩ Long Thơ Vương Hư Trung đời Đại Tống.
14. Truyện về Chu Thị Như Nhất đời Đại Tống ở Minh Châu của Thiền sư Quất Châu bảo Đàm.

1. Bài Ký ở Viện Tu Tịnh độ chùa Long hưng của Lễ Bộ Liễu Tử Hậu:

Về phía Tây Trung Châu mấy muôn dặm có nước tên Thân Độc, là nơi thị hiện của Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai. Đức Phật ấy nói về phương Tây cách mười muôn ức cõi Phật có Thế giới tên là Cực lạc, Phật hiệu là Vô Lượng Thọ Như Lai. Nước ấy không có ba độc tám nạn, có các báu để trang sức. Người ở nước ấy không có mười triền, chín não. Các Thánh đều là bạn lành. Là cõi nước nên thành tâm Đại Nguyện quy tâm. Nếu niệm lực đầy đủ thì liền vãng sinh về nước ấy, sau sẽ ra khỏi ba cõi, đối với Phật đạo không còn lui sụt. Lời ấy không luống dối. Pháp sư Lô sơn Tuệ Viễn đời Tấn có làm thơ vịnh niệm Phật Tam-muội khuyên khắp thời ấy. Về sau có Đại sư Thiên Thai Trí Khải soạn luận thích, Tịnh độ thập nghi, mở rộng giáo pháp, rất sâu kín nhiệm mầu,

người mê đều nhờ cậy. Bởi kẻ lưu lại dấu lạ mà đi thì rất đông. Chùa Long Hưng ở Vĩnh châu trước do Thứ sử Lý Thừa Xi và Tăng Pháp Lâm lập Tịnh độ Đường ở phía Đông chùa, kính thờ đến nay đã hơn hai mươi năm, góc rèm hư nát, cốt tượng ngã nghiêng. Bèn chọn thượng nhân đến ở để sửa sang coi sóc. Thượng nhân tu tối Thượng thừa, hiểu rõ nghĩa bậc nhất. Vô thể tích không, dấu sắc mà tạo, chân nguyên thông giả có mượn tên không mà vào. Đối với thật tướng thì cảnh hợp với trí, sự khớp với lý. Cho nên tuy là nhân Vãng sinh mà tướng dụng không bỏ. Nên sửa sang lại ngôi nhà này để dắt dẫn kẻ hậu học. Có tín sĩ vẽ hình tượng Phật, pháp tướng rất đầy đủ. Nay Thứ sử Phùng Công lập cửa lớn để biểu thị địa vị! Tôi đưa bốn a hoàn để mở rộng hai nhà thờ tượng hai Đại sĩ, vẽ cờ phướn lọng báu để thành tựu. Than ôi, nếu có người hay cầu cái sinh của vô sinh, biết sự có mặt của thuyền bè, bèn soạn luận Thập Nghi của Thiên Thai lên vách khiến người xem mà khởi lòng tin.

2. Bài Bia về Hòa thượng Vô Tánh ở Nhạc Châu của Lễ Bộ Liễu Tử Hậu:

Ngày ấy tháng ấy tại Nhạc Châu có Đại Hòa thượng ở chùa Thánh An làm Tăng bao nhiêu năm có tên mà không họ. Đời không biết quê quán họ hàng và đời sống của ngài. Có người hỏi thì bảo tánh ta là họ, gốc không đầu mà trụ không cuối. Nương họ Đạo sư Thích mà hệ Đạo ta vốn không họ. Pháp Kiếm là tên ta. Thật lại không có tên mà ghét ta có tên. Tánh hải là quê ta, pháp giới là nhà ta, giới làm tường rào, tuệ làm cửa ngõ để bảo hộ thì chắc chắn là chỗ ở yên. Cửa làng chẳng đủ, độ môn, đạo phẩm số ấy vô cực, Bồ-tát Đại sĩ nhiều vô số, ta thân thích với họ không khác gì ta. Dòng họ ta chẳng lớn ư? Đạo ấy đáng nghe. Như thế mà chỉ đọc tụng kinh Pháp Hoa, Kim Cang, Bát-nhã số hơn ngàn muôn. Có kẻ chê là hữu vi bảo rằng: Ta không hề làm. Than ôi, Phật đạo càng xa, các mối lạ tranh nhau nổi dậy. Chỉ có Đại sư Thiên Thai là được thuyết ấy. Hòa thượng là người được thừa kế gốc ấy, vì thuận theo trung đạo. Phàm người thọ giáo không muốn mất gốc, sinh vật lưu động, thú hướng lẫn lộn thì chỉ có đường chánh Cực lạc là được chỗ về ấy. Hòa thượng bèn cần cầu quyết thành chí nguyện. Phàm người tin nghe chẳng lầm đạo ấy. Nếu có kẻ chê là có dấu vết thì bảo là ta không hề làm. Lúc đầu, Hòa thượng ở chùa Long hưng ở Phòng châu rồi dời về châu này lập đạo tràng ở ngọn Bắc Lăng-già, năm mươi năm không ra khỏi cổng... Hòa thượng kính thờ các bậc cao đức ở đời.

Người đầu tiên ngài nương tựa xuất gia là sư Trác Nhiên ở Nam dương an táng bên núi Nhạc châu. Người đến thọ giới là sư Đạo Dĩnh ở Kinh châu. Đệ tử đứng đầu là sư Hoài Viễn trụ chùa An quốc ở Trường sa. Khi đến Nam Nhạc truyền giới thì sư mất bèn chọn ngày an táng ở phía Đông tháp ngài Trác Nhiên cách đó mấy bước. Có lời minh rằng:

Đạo vốn ở một
Lìa là môn khác
Lấy tánh làm họ.
Bèn trở về gốc
Không tên làm tên
Sư giáo làm tôn.
Giả chỉ chỉ người
Chẳng phải ta còn
Quê lớn chẳng ở
Họ lớn chẳng gần
Ý sâu trong sáng
Trong rỗng ngoài nhân
Thánh có Di ngôn
Là rốt là siêng
Chỉ siêng chỉ im
Chết như mây nổi
Giáo lâu lợi nhiều
Đời ít người dạy
Bèn có trí lớn
Xuất từ chân môn
Gần để hiển bày
Giúp dân đổi mới
Tình động sinh biến
Vật bị đắm chìm
Bèn trao Lạc quốc
Mến nơi nguồn hóa
Sư bèn dạy dắt
Khiến dân chẳng mê
Dụng đạo bất tác
Lời thần không dấu
Sáng tối đều như
Sinh tử đều vắng
Pháp trao hậu học

Bày ra không dấu An
táng ở bên thầy
Không quên nhà thật
Viết bài minh này
Khắc ở đá đeo.

3. Bài ký về vẽ tranh Tây phương Tịnh độ của Hàn Lâm Bạch Cư Dị:

Thầy ta là Thích-ca Như Lai nói từ đây đi về phương Tây qua mười muôn ức cõi Phật có thế giới tên là Cực lạc. Vì không có tám khổ bốn đường ác cho nên nước ấy gọi là Tịnh độ. Vì không có ba độc năm nghiệp vẩn dục. Phật ở cõi ấy hiệu là A-di-đà vì sống lâu vô lượng, vì nguyện vô lượng, vì công đức, tướng tốt, ánh sáng vô lượng. Xét kỹ cõi Ta-bà này có nhiều chúng sinh như bụi nhỏ không kể hiền ngu, sang hèn, già trẻ, nếu ai khởi ý quy y Phật, trước hết đều chắp tay hướng về phương Tây. Nếu ai bị tai ách khổ não thì trước hết đều niệm A-di-đà Phật. Lại đúc khuôn nặn đất khắc đá dệt thêu cho đến vạch nước, nhóm cát, trẻ thơ chơi đùa... đều coi Phật A-di-đà là Thượng thủ. Không biết vì sao như thế. Như thế mà xét thì Đức Như Lai ấy có nguyện lớn với chúng sinh cõi này, chúng sinh cõi này có nhân duyên lớn với cõi nước ấy. Nếu không phải thế thì các Phương đông, Nam, Bắc, chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai rất nhiều sao chỉ riêng phương Tây như thế ư? Sao chỉ riêng phương Tây như thế?

Đời Đường, Đại Phu Thái Tử Thiếu Truyện thượng trụ quốc huyện Phùng dực, Khai quốc hầu được vua ban đãy cá vàng tía (Bạch Cư Dị) rất đau buồn vì bị bệnh phong tê. Bèn bỏ bổng lộc ba ngàn lượng nhờ nhà thơ giỏi là Đỗ Tông Kỉnh xét hai kinh A-di-đà và Vô Lượng Thọ mà vẽ một bộ hình thế giới Tây phương cao chín thước rộng một trượng ba. Phật A-di-đà ngồi giữa, hai Đại sĩ Quán Âm và Thế Chí đứng hầu hai bên, Trời người chiêm ngưỡng, quyến thuộc vây quanh. Lầu đài kỹ nhạc, cây, nước, hoa chim, bảy báu trang sức, năm màu phô bày lộng lẩy rực rỡ, công đức thành tựu. Con là đệ tử Cư Dị đốt hương cúi đầu quỳ trước Phật, khởi tâm từ bi phát thệ nguyện lớn. Nguyện đem công đức này hồi hướng bố thí cho tất cả chúng sinh. Tất cả chúng sinh những ai già như con, bệnh như con, nguyện đều lìa khổ được vui, bỏ việc ác tu việc lành, chẳng vượt khỏi Nam Thiệm bộ mà thấy được Tây phương, sợi lông trắng sáng rực, tùy niệm liền cảm ứng. Sen xanh thượng phẩm theo nguyện vãng sinh. Từ thân hiện tại đến cùng tận đời vị lai thường

gần gũi Phật để cúng dường. Muốn nhắc lại nguyện trên bèn có kệ khen rằng:

Thế giới Cực lạc là cõi thanh tịnh.
Không có đường ác và các khổ,
Nguyện ai thân già bệnh như tôi.
Đồng sinh nước Phật Vô Lượng Thọ.

4. Bài Bia về người đứng đầu Bạch Liên xã ở Tiền đường của Pháp sư Lô Sơn Trí Viên:

Ngày 12 tháng giêng mùa Xuân niên hiệu Thiên Hi đời Tống, người đứng đầu Bạch Liên xã là Đại sư Viên Tịnh Thường Công, viên tịch tại thượng phương thảo đường chùa Chiêu Khánh ở Tây hồ thuộc Tiền đường, thọ sáu mươi hai tuổi, bốn mươi bốn hạ lạp. Đến ngày 3 tháng 2, nhóm đệ tử Hiệu Yết đem toàn thân an táng ở núi Linh Ẩn bên mộ của Thiền sư Ô Sào, bên trên xây tháp để ghi chép. Mùa Đông năm ấy môn nhân thượng thủ là Hư Bạch nối tiếp đạo của sư, muốn biết hành tung của thầy bèn đến am tôi xin vài lời khắc bia đá lại nói đó là di chỉ của người xưa. Tôi từ chối chẳng được, bèn viết lời tựa, cho giáo pháp Phật thanh tịnh vô vi, nhân từ không giết hại, lại lời kín, ý rộng bèn chỉ rõ đầy đủ, khiến những người được hóa độ, kẻ được nhỏ, gần thì làm lành lánh dữ, kẻ được lớn xa thì trở về nguồn phục hồi chân tánh. Ôi, Tuệ Viễn ở Lô sơn là người được lớn xa vậy. Khảo sát kỷ, lời lẽ hay hiểu biết thật đủ để biểu trưng hạnh, đủ để làm khuôn phép. Cho nên kẻ hiền thời ấy ngưỡng mộ sự cao minh của người mà từ đó có việc kết xã. Đến nay người khen ngợi mà không thể nối pháp được. Duy công lý hạnh nghiêm cẩn tu tâm trong trắng, nghe phong độ của Lô sơn mà mừng vui. Lại bảo mong làm ngựa ký hoặc cõi ngựa ký. Ta tuy chẳng giống như thế nhưng chẳng dám quên việc làm sao cho được bằng người. Do đó mà trang sức thân, mổ xẻ tâm mà thề kết xã. Phàm noi theo đạo thì phải nương vào đất, tôn trọng thần thì phải nhờ tượng, muốn hành hóa thì phải bằng lời. Nói xem chốn Tây hồ là cảnh đẹp dạo chơi của thiên hạ, thích u nhàn mà bày ra tốt xấu. Phật Vô Lượng Thọ là đấng kính ngưỡng của chúng sinh, bèn khắc gỗ chiên đàn làm tượng. Phẩm Tịnh Hạnh trong kinh Hoa Nghiêm nói "Vì cơ yếu của việc thành Phật nên mới chích máu để viết các chương cú kia", sao đất đã được, tượng đã thành, lời đa˜hành, triều hiền cao. Lại nghe phong độ của ông mà vui mừng. Hoặc tìm chỗ vắng mà hỏi đạo, hoặc thấy tướng mà biết chân, hoặc khảo xét kinh mà được ý, hơn ba mươi năm, không trái

nghịch. Người dự vào Bạch Liên xã gồm một trăm hai mươi ba vị được độ thành. Như thế có thấy Xã Tây Hồ mới biết việc nối nghiệp Lô sơn không tủi thẹn. Có lần, thử luận với ngài Tuệ Viễn là Thánh bậc thượng địa, còn ông là Hiền sơ tâm, địa vị khác nhau, tên hiệu có khác. Song Tuệ Viễn thì sinh ra từ thời Tấn suy, còn ông sinh ra ở Thánh triều này (Đường?). Nên Tuệ Viễn chiêu dụ các bậc Hiền ở ẩn còn người đến với ông là những bậc hiển đạt, toàn những vị giỏi xưa nay đều ngang nhau. Không thể bảo thạnh và tốt cùng theo nhau. Ông thường bảo các học trò rằng: Từ lúc bắt đầu lập nước đến nay. Tiến thân tiên sinh nói theo xưa làm văn đại khái bắt chước Thối Chi mà bài bác Phật giáo. Cho nên tôi mượn dấu Tuệ Viễn mà kết xã vãng sinh. Kẻ theo sự dạy dỗ của ta sẽ soạn nhiều bia lắm tụng mà khen ngợi Đạo pháp, kết lời quy hướng, đạp đổ đường gai góc khác để bước đi trên giáo pháp ta, Đời chẳng biết ta hoặc lấy ta làm điều khen lạ, ta không phải hạng người ấy. Quân Tử nói: Xưa Dược Sơn Duy Nghiễm rút lại tâm bay cao, giúp biết Phật mà Tăng truyện khéo viết. Nay các Hiền nhờ thật tướng kính phục Đại giác. Hồi tông nơi biển tánh, không có sức của ông thì cùng ai có công hộ pháp thay kẻ không ngang bằng? Ông húy là Tỉnh Thường, tự là Tạo Vi, họ Nhan là người ở Tiền Đường. Bảy tuổi chán tục xuất gia, mười bảy tuổi thọ giới cụ túc. Khi sinh ông có điềm lành. Học với sư Bảo Truyền, tu thiền rất giỏi, dồi mài danh tiết thì có xã khách và các bậc Hiền. Bia Tự thì có học trò ghi rõ hành trạng của ông, ở đây không nhắc lại. Nay nói về đạo của xã ấy, văn rằng:

Sự lớn lao của Phật ở Tây phương chỉ có Tuệ Viễn là biết được, chổ cao của Lô sơn chỉ có ông là vui thích. Tây hồ xã đều các bậc Hiền kính mến, có đầu, có cuối, chẳng mài chẳng sâu. Duyên ta đã trọn, ta mất ở đây. Thần ta dạo nơi không dấu vết, tên nên khi tán dương bậc Thánh, muốn biết đạo ta thì xem phong bia này.

5. Bài Ký về tượng Di-đà bảy báu ở Đạo Tràng Tịnh Tư của Đề Hình Dương Kiệt:

Đạo Tràng Tịnh Từ ở Nam Sơn thuộc Hàng Châu có Tỳ-kheo Pháp Chân, Đại sư Thủ Nhất kết đồng chí, cùng Đàn-việt dùng vàng bạc, trân châu, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não... tạo tượng Phật A-di-đà. Thánh tướng đẹp lạ, cảm ứng rất nhiều. Vô Vi tử nay chiêm ngưỡng ngợi khen, nghiền bảy báu thành bụi, nhóm bụi báu làm thân Phật. Thấy bụi báu tức là thấy Phật. Phật không gì chẳng phải báu. Thấy thân Phật tức là thấy báu, báu không gì chẳng phải Phật. Bảy báu là báu thế gian, chúng

sinh tham lấy chẳng thỏa mãn, chẳng được liền sân si, chẳng biết đây là nhân của đường dữ. Bảy báu đã làm thành tôn tượng thì không phải vật dụng của thế gian mà là báu xuất thế. Người gặp tượng báu nên sinh tâm cung kính, giữ nghiêm giới cấm, thuần chắc định lực, thấu suốt trí tuệ, đây là nhân Tịnh độ. Thân Phật lớn bằng cả hư không, nên không lập năm tạng, không lấy tâm chúng sinh làm tâm. Cho nên, người trong hội mỗi người viết một nguyện Di-đà, bốn mươi tám người thì nguyện Di-đà trọn đủ. Tất cả đều đem chứa trong thân tượng để nói lên nguyện nguyện không quên chúng sinh. Búi tóc có một ngàn hai trăm sợi, mỗi sợi thật là nguyện lực vững chắc của xá-lợi. Ngày tượng hoàn thành thì dùng tám thứ nước thơm mà tắm rửa Như Lai biểu thị cho nước tám công đức. Mọi người tùy ý lấy uống đều là vị cam lồ. Một thân thanh tịnh thì tất cả thân thanh tịnh, một niệm thanh tịnh thì tất cả niệm thanh tịnh. Nhưng chẳng lìa Ta-bà mà liền vượt lên Cực lạc. Một khi thấy tượng báu thì thành tựu duyên há có thể suy nghĩ bàn luận được ư? Bèn làm kệ rằng:

Hòa nhóm bảy báu
Thành thân Như Lai
Báu tức là Phật
Ngoài Phật không báu
Phật tức là báu
Ngoài báu không Phật
Không phải hai cảnh
Hiện các Tịnh độ
Đi quanh khen ngợi
Niệm niệm Di-đà
Cùng với hữu tình
Đồng sinh Cực lạc.

6. Bài Ký về xây gác báu Di-đà của Đề Hình Dương Kiệt:

Ai không nguyện sinh Tịnh độ thì thôi, đã nguyện sinh Tịnh độ thì ai cũng được sinh, một khi đã sinh thì không bao giờ lui sụt. Đức Thế Tôn gọi là A-bệ-bạt trí, hay A-duy-việt trí, phàm phu hữu lậu còn bị trói buộc dựa vào tín niệm mà được sinh về nước ấy. Nhưng ba độc tà kiến không thể mất liền, làm sao biết không lui sụt? Bởi vì nguyện lực của Phật Di-đà luôn nhiếp giữ, ánh sáng rực rỡ luôn chiếu soi, các bậc Thượng thiện thường nhóm họp, tuổi thọ dài lâu suốt kiếp. Cây, rừng, chim, nước, tiếng gió reo nhạc luôn giảng nói diệu pháp. Người

nghe tâm liền niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, nghe mãi không dứt. Chúng sinh bệnh, Phật là vua thầy thuốc, Pháp là thuốc hay, Tăng là người nuôi bệnh, ba thứ có đủ bệnh liền tiêu tan. Thế nên nói một khi sinh về Tịnh độ do đâu mà có lui sụt. Tăng giám Pháp bảo Tiền Đường là Đại sư Tùng Nhã, lúc bình sinh tu giáo quán Di-đà, tham cứu tông phong, vui với kệ tụng và được chỉ thú. Lại giỏi y thuật thường cho thuốc cứu người. Có ai đem của tiền đáp tạ thì bảo không phải do tôi mà do công đức Tam bảo. Bèn chuyển của thí sang Tam bảo mà xây gác báu và tạo tượng lớn Di-đà. Lại lập chín phẩm Bồ-tát, Hải Tạng kinh điển chứa ở sau, có ao sen thanh tịnh ở trước, có thất định, quán ở hai bên. Nguyện đón rước người đi đường, cấp dưỡng người sám hối để kết duyên Tịnh độ. Đâu phải chỉ có một mình Tỳ-kheo mến việc trị bệnh cho thuốc như Phật mà còn vận dụng lòng Từ bố thí trị liệu. Chỉ nghĩ tâm niệm Tam bảo mà gọi là chẳng dám để gián đoạn. Người vào đạo tràng ấy phải quán tất cả tướng là chẳng phải tướng thì mới thấy được toàn thể Di-đà. Quán tất cả pháp là pháp như huyễn thì mới vào được chân cảnh Tịnh độ. Quán thân mình là vô ngã thì mới có chánh kiến của Tỳ-kheo. Cho nên từ một Như Lai mà thấy vô lượng Như Lai, một Tịnh độ mà thấu khắp cùng vô lượng Tịnh độ, ngộ một Pháp thân mà dung được cả vô lượng Pháp thân. Không niệm mà niệm, không chứng mà chứng, không tu mà tu, biển quả Tịnh độ há dễ suy lường ư? Tăng giám Pháp Bảo xây dựng gác báu Đạo tràng Tịnh độ, dẫn dắt các bạn đồng tu tịnh nghiệp, hẹn khi báo duyên đã hết thì sinh An dưỡng được tròn sở nguyện.

Ngày rằm thượng nguyên niên hiệu Nguyện Hựu thứ nhứt, Tả triều Tán lang Thượng thư chủ, khách là Viên ngoại lang khinh xa Đô úy được vua ban cho đãy cá vàng tía là Vô Vi Dương Kiệt - kính thuật.

7. Bài Ký về viện Tịnh độ chùa Diên khánh của Đãi Chế Trần Quán:

Tại chùa Diên khánh ở Minh châu, Tỳ-kheo trụ trì Thế Hữu diễn giảng dùng Thiên Thai quán hạnh làm Tông. Từ Đại sư Pháp Trí tri lễ, hạnh học đều cao, người nghe pháp đều hướng tâm, được người nối nghiệp khá đông, đến nay hơn trăm năm. Trong thời gian ấy có người khổ hạnh tinh tu, đến nương Đạo tràng. Trong niên hiệu Nguyên Phong, Tỳ-kheo Giới Nhiên tu pháp Tây phương Tịnh độ, chỉ ngồi không nằm, kỳ hạn ba năm. Hết kỳ hạn bảo các Tỳ-kheo cùng tu là Huệ Quán, Trọng Chương, Tông Duyệt rằng chúng ta ở chung một thất

để tu duyên tốt này. Người đến sau càng đông nhưng nhà cửa không thêm. Nay ở góc Tây Diên Khánh còn đất trống nếu được tiền hơn hai ngàn muôn mà xây sáu mươi gian nhà, trong đó lập (gác báu) thờ Phật Di-đà trượng sáu và Quán Âm, Thế Chí. Có mười sáu thất, mỗi thất có hai gian, ngoài bày tượng ba vị Thánh, trong là nơi thiền quán. Điện ở bên ao, trong ao có sen đẹp. Trong không lìa trần nhiễm, ngoài mở rộng cảnh đời, chỗ niệm đều vắng, không có duyên khác. Dùng định tâm kiên quyết để hiển bày cõi An lạc. Nhân đó thuận lòng Từ của Phật lại báo ân đất nước, đâu phải chỉ riêng tôi mà cả bốn chúng ta đều như thế, với lòng mong mỏi như thế chắc chắn sẽ thành tựu. Các vị Huệ Quán... cùng đáp rằng: lấy tâm nhậm vận vô tác mà làm việc lợi ích hữu vi. Ở Tứ Minh có nhiều tín thí lo gì chẳng thành. Từ đó, tháng ngày chứa nhóm được bảy năm thì việc liệu toan của Giới Nhiên đều như ý. Lúc đầu Giới Nhiên đốt hai lóng tay để cầu việc thành. Đến tháng ba niên hiệu Nguyên Phù thứ hai thì làm lễ lạc thành. Bày ngàn Phật mà cúng dường. Lại đốt thêm ba lóng tay nữa để cầu thành việc khó thành, lại bỏ việc khó bỏ mà vốn chỗ dụng tâm không vị kỷ. Do đó người nghe kẻ thấy đều vui theo, các vị tu Tịnh độ đều vui mừng. Cả mười sáu thất đều đông chật người tu. Kẻ xong hẹn ra đi thì người phát tâm liền đến. Người nương cảnh tốt mà được lợi lành thì đông vô số kể. Giáo pháp Tịnh độ, Phật xưa đã nói, chỉ người thành tâm tin chắc không nghi. Như Lai xếp chín phẩm thì lấy tâm chí thành là trên hết. Ngài Trí Giả soạn Thập luận phá tâm nghi bị trói buộc. Mở trói thì quên tình, thức tan tthì trí hiện, Di-đà tịnh cảnh đâu cần tìm ở nơi khác. Như soi gương thì thấy mặt mũi, hình ảnh, người được không do thức nhận, kẻ mê chẳng phải do tình hiểu. Vượt thức tâm mà chẳng lầm, suy tình trần mà tạo riêng, ấy chỉ là thành, nên gọi là thành. Vừa tự thành tựu, vừa thành tựu cho người thì chỉ có đây mà thôi. Cũng như vầng trăng tròn sáng, hiện bóng khắp trên các mặt nước, bóng trăng vô số nhưng trăng chỉ là một. Nhiếp phân bố các nơi cùng về, gặp ở mười phương mà chỉ có một. Cũng như có mười chiếc gương vây quanh một ngọn đèn thì ánh sáng giao chiếu nhau, đông tây khó biết. Nhưng phương có vị trí nhất định thì chẳng phải không có gương tây, tên tùy tướng mà lập, Tây chẳng phải tự nó là Tây. Trí và lý dung nhau thì cảnh lấy gì mà chấp. Sao có thể lấy cái phương chấp chặt mà suy lường cái cảnh vô ngại của Như Lai. Ngài Từ Ân nói: Kẻ phàm phu nghiệp nặng chỗ nào cũng sinh tham đắm, nếu không chỉ một phương nhất định thì lấy gì để cột tâm chuyên chú. Đây là Thiện tri thức tùy phương trợ giáo, chuyên giữ gìn tướng tông. Nhưng

luận về An dưỡng thì biết đủ hơn kém chỉ khuyên vãng sinh là hơn hết. Từ đó ta biết người thông suốt thì không mến tiếc. Mến tiếc thì nhiều riêng tư. Cảnh mạnh mà thói quen nặng là do quán tưởng cạn, tâm thô phù; dễ đến mà không người là bởi nghi sâu, chướng nặng. Nếu muốn trừ hết cấu chướng thì phải dùng tâm quyết định. Đống củi như núi chỉ đốm lửa có thể đốt tan, nhà tối ngàn năm mặt trời soi thì liền sáng. Đức Thích-ca Văn phương tiện rất sâu, Phật Vô Lượng Thọ nói Pháp không gián đoạn. Quán Thế Âm như mẹ nhớ con, Đại Thế Chí như con nhớ mẹ. Dấu xe Thánh xưa sao lại chẳng tuân theo, huyễn cảnh trống không vì sao chẳng bỏ. Trưởng giả Giải Thoát nói chẳng đến cõi An lạc, Phổ Hiền đích thân thấy Vô Lượng Quang. Đích thân thấy là vốn không dời động, "Chẳng đến" là như thế mà đến. Khắp dung vô ngại, sau đó mới không, giả đều trung. Phân biệt chưa quên há tránh khỏi quyền, thật. Tranh nhau như thế thì làm sao có ngày tâm an, được nhẫn, ngày nào mới biết niệm niệm hiện tiền, sau đó quyết chẳng lui sụt. Nên nói nếu không chắc chắn thành Đẳng Chánh giác, ta thề chẳng chứng Bồ-đề. Đối với tâm Bồ-đề có lui sụt, ta thề không thành Chánh giác. Đây chính là bổn nguyện của Tỳ-kheo Pháp Tạng mà các bậc Thượng thiện đều theo học. Phát tâm như thế, thực hành hạnh như thế, khởi nguyện như thế, chứng quả như thế mà chẳng trái thệ lớn của Pháp Tạng thì ai nương thân ở cõi này, gởi tâm ở nhà này đều là bậc A-bệ-bạt trí. Lợi ích cao quý đó đâu thể cùng tận. Tỳ-kheo Giới Nhiên khởi lên một niệm lành, tất cả tín sĩ ở Tứ Minh đều hưởng ứng, do đó mà lợi ích một phương rộng khắp. Như thế mà không ghi việc ấy ư? Nay thầy trụ trì chùa Diên khánh là Đại sư Minh Trí (Trung Lập) là cháu chắt của Pháp Trí, hạnh nghiệp hoàn toàn chắc thật được người tin phục, dùng tâm thành mà tu quán Tịnh độ, đối với Giới Nhiên có giúp đỡ rất nhiều, nên nay cũng ghi vào đây, ngày mồng một tháng tám niên hiệu Đại Quán thứ nhất. Diên Bình Trần Quán ghi.

Thảo Am Lục chép: Trần Oánh Trung soạn Tịnh độ viện ký là một bài sâu sắc về Phật tổ. Nay nói Tịnh độ nếu được Phật thì mất Tổ, hoặc được lý thì mất sự, được đây thì mất kia, mà Liễu ông chứa chẳng mấy trăm chữ lại nói được toàn thể Tịnh độ, há chẳng phải là có Thiên tư cao ư? Song bài ký này cao là do người khen. Còn như Triều Công (Thuyết Chi) soạn bài bia thờ Pháp sư Minh Trí thì đầy dãy văn chương của Thai tông, cứng cõi thịnh hành ở đời, suy ra ký của ngài và Liễu Ông ngang nhau. Ký ấy có nói: Sư thường dùng Pháp môn Tịnh độ khuyên dạy người học, muốn mọi người biết Thích-ca có Tịnh độ,

Di-đà có uế độ. Lúc khác chí ở nơi tâm, một ngày nào đó ắt quán kỹ, bèn y theo kinh Thập Lục Quán mà hiện ra tượng lớn Di-đà ở bên ao. Dùng mười sáu quán mà thấy chim le bơi trong ao sen, phụng trời bay múa. Người quán tưởng ngồi trên cao, dứt hết tiếng đời, người hợp với cảnh ấy thì đạo tâm thêm nhiều, sao luận tin hay không tin? Cho nên nghi thân ấy chẳng phải Thánh chẳng phải phàm. Phí tổn vạn vạn dựng xây nhà cửa càng thêm. Đến ở bên sông nhiều năm rồi lạc thành chẳng đầy một năm, có vị tăng cùng làm việc bảo rằng Giới Nhiên chẳng nhọc chẳng lo, như không hề có việc ấy. Bởi cảnh ấy xưa chưa có mà nay chẳng biết vì sao mà có. Cả hai vùng Triết giang không có thì thiên hạ cũng không có. Pháp Hoa đạo tràng ở núi Chi Hình do Tuân Công tạo ra thì có thể hơn đây.

8. Bài Ký ghi việc sửa sang lại viện Tịnh độ chùa Diên Khánh của thủ tọa Phác Am Thanh Triết:

Tịch Quang chân thường, xưa nay sáng soi mầu nhiệm, bỗng niệm khởi lên, phải chịu trôi giạt, Đấng Đại Giác Thánh nhân muốn cho bỏ vọng về gốc nên khéo léo khuyên dạy. Thế nên Phật Thích-ca hiện cõi uế khiến nhàm chán, Phật Di-đà hiện Tịnh độ khiến ưa thích. Nếu ưa thích mà tu tịnh hạnh thì sẽ sinh nước ấy. Cảnh giới tốt đẹp đều giúp phát triển chân thường. Thế nên, nghe gió thổi cành cây mà chánh niệm thành, lên lầu báu mà Tam-muội bày. Chẳng nhờ phương tiện tự nhiên được Đạo. Vì vậy, pháp môn Tịnh độ cũng là đường tắt trở về nguồn. Song người phát triển rộng pháp môn Tịnh độ chỉ có Tuệ Viễn ở Lô sơn cùng các bậc Hiền kết Liên xã ở dưới núi Lô, tu Tam-muội niệm Phật hẹn vãng sinh về cõi Tịnh, do đó mà đời sau đều quý chuộng. Thiền sư Nam Nhạc lúc đầu ở núi Đại Tô truyền tông Nhất Tánh của ngài Long Thọ, lập riêng thiền thất dạy người tu chứng. Cho nên ngài Thiên Thai Trí Giả lúc đầu đến núi này trao cho Đạo Tràng Phổ Hiền, tu Tam-muội Pháp Hoa, nhân đó mà phát đại Tổng trì, vào cảnh giới Phật. Từ đó bốn phương đều lấy đây làm nguyên tắc, có như vậy là do thấy người xưa dạy tuy khác nhau mà đồng quy về một. Giữa năm Nguyên Phù đời Tống, có Tỳ-kheo Giới Nhiên nối phép xưa lập việc Phật hóa ở góc phía Tây chùa Diên Khánh nơi vắng vẻ u nhàn, lập nên gác bái lớn gồm mười sáu thất, gọi tên theo Thập Lục Quán. Hoa cỏ che mát, ao ngọc lắng trong giống cảnh Lạc bang thanh tịnh, khắc tượng chiên-đàn, trong ao trồng sen theo cách của Lô sơn Liên xã. Sám thất tinh nghiêm, thiền đường thâm tịch theo phép của đạo tràng Đại Tô. Chỉ chứa người giữ chí

thờ đạo, sớm tối hương nên, Phật sự vô sinh lắng thần xét chiếu, bỗng nhiên rất nhiều người ngộ được tâm mình ở cảnh Tịch Quang cho nên là đất cao quý ở Tứ Minh. Nhưng năm tháng dần xa nhà cửa nghiêng xiêu, người tu Tam-muội không thể yên tâm. Năm Đinh Sửu thuộc niên hiệu Thiệu Hưng có Tỳ-kheo Thanh Nhuận buồn thấy thắng cảnh điêu tàn bèn nghĩ việc sửa sang, phục hưng. Nhưng thấy sức yếu khó vận động người, nên bạch việc thầy trụ trì Pháp sư Giác Vân. Sư nói: Việc quý ở chỗ chân thành. Chân thành một khi phát ra còn có thể cảm được các Đức Phật thì đàn tín sao không động được. Huống ông đã sáng lập thất Diệu Xúc Tuyên Minh, giúp cho người đều ngộ nhận được bổn nhân thành Phật, ông trụ ở đây chẳng chí thành được ư? Thanh Nhuận khi nghe lời ấy thì chăm chăm để bụng, khi nêu ra với đàn tín thì tất cả đều theo, mà đưa các gỗ quý đến làm kèo cột. Nếu nghiêng đổ thì chống đỡ, mối mọt thì làm mới, sửa sang xây tường lợp ngói, dột trên ngập dưới, bốn bề sửa chữa, cửa lớn cửa nhỏ, tường rào thềm bậc đều đủ. Gác báu sừng sững bên hồ, tường cao khiến người trong thất quản lý không biết có sự ồn ào của chợ búa, hồng trần. Tất cả đều mới mẻ rực rỡ giống ngày lạc thành thuở xưa, đủ để vén rèm trăng, đốt hương bách. Kẻ ở thì tu tập không ngừng, người cúng thì gieo trồng ruộng phước vô tận. Ngõ hầu phong cách Đông Lâm, đạo Nam Nhạc chẳng xa mà lại thịnh là công do đây vậy. Xây cất suốt bốn năm thì việc xong. Bèn dùng ba ngàn quan tiền khắc hai ngàn tên, giúp cho người phương này liền thấy mười muôn ức cõi ngoài. Gió ngâm lá báu, sóng động bờ vàng, trong suốt như giếng ngọc mùa thu: Mới biết đã về nước cũ, nhanh chóng quên hết khách trần, sao những trốn chạy hư không, kịp nghe tiếng chân há chẳng vui sướng sao? Khiến tất cả mọi người nhận đây mà quán An dưỡng, Y, Chánh đều do cảnh này dẫn phát, hăng hái mạnh mẽ, so với công đức tăng tu thì chẳng lớn bằng. Bây giờ là niên hiệu Càn Đạo thứ năm, ngày Nam Chí.

Tỳ-kheo Thanh Triết kính ghi.

9. Bài Ký về xây dựng tượng ba vị Thánh đứng ở chùa Khai nguyên của Luật sư Đại Trí Nguyên Chiếu:

Tượng ba vị Thánh đứng, thấy trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Đức Thế Tôn Thích-ca vô duyên đại từ thương xót người chưa được độ ở cõi Ta-bà, bèn mở rộng pháp môn Tịnh độ, chỉ bày Tam-muội niệm Phật, khiến gởi thần thức về cõi Tịnh. Cho nên dạy quán tưởng duyên Thánh, mười sáu diệu quán do đó mà lập ra. Việc mặt trời

lặn như chiếc trống treo để chỉ phương hướng, tưởng nước ngưng thành băng để giống đất báu. Kế quán rừng, suối, lầu gác đều dùng trăm báu trang nghiêm trên đời khó gì sánh bằng. Ánh sáng rực rỡ chẳng thể tả xiết. Rồi nói quán thân Phật ấy tướng tốt chói sáng, chúng hội đầy đủ. Bỗng ba vị Thánh hiện trên hư không, khiến Vi-đề-hy nhìn làm nguyên do phát thỉnh. Kinh rằng: Phật bảo Vi-đề-hy rằng ta sẽ phân biệt giải nói pháp trừ hết khổ não cho bà nghe. Khi nói lời ấy thì Phật Vô Lượng Thọ hiện ra trên hư không, có Quán Thế Âm và Đại Thế Chí đứng hầu hai bên. Bà Vi-đề-hy bạch Phật rằng: Con nhờ năng lực Phật nên thấy được Đức Phật ấy và hai vị Bồ-tát. Chúng sinh đời vị lai sẽ quán thế nào mà thấy được? Phật dạy: Trước quán đài hoa, kế quán hình tượng, sau quán thân Phật, người hầu hai bên, chín phẩm đồ chúng, Tam-muội niệm Phật do đây mà đầy đủ. Từ Lô sơn, Tuệ Viễn đến nay thì các tăng phường trong nước kết hệ niệm Tịnh Xã, lập tượng Di-đà tam Thánh đều xuất phát từ văn kinh này. Lan nhã Phước Nguyện ở nơi núi Linh quy, Từ Khê thuộc Tứ Minh có Thích tử Giới Thâm, từ khi vào đạo luôn trì kinh ấy, dốc chí Tinh nghiệp được mấy năm bảo rằng: Tu một mình không bằng khuyên bảo người khác cùng tu, thực hành một lúc không bằng lâu dài. Do đó mà kêu gọi mọi người tin tưởng cùng đến Tiền Đường, sai thợ giỏi điêu khắc tượng ba vị Thánh đứng. Núi sông ngàn dặm luôn tới lui xây cất, ròng rã suốt mấy năm mới được thành tựu, tốn phí mấy ngàn. Lập Sám đường thuộc Viện kinh Tạng chùa Khai nguyên tại phía Nam thành, bốn chúng đều chiêm bái khen ngợi chưa từng có. Một hôm ông ngồi thuyền vượt sông đến Lan nhã Chi Viên, cởi đãy kiết hạ niệm hương, cúi đầu mời tôi viết cho bài văn ghi việc ấy. Tôi hiểu ý lời nói này nên vui lòng viết ngay. Có kẻ hỏi: Kinh nói các Đức Phật Như Lai là thân pháp giới, nhập vào tâm tưởng tất cả chúng sinh. Nay khắc gỗ làm tượng là vật thế gian mà đem làm Phật chẳng biết có được chăng? Đáp rằng: Thân Phật không tướng cũng không lìa tướng vì là vô tướng nên thế gian, xuất thế gian không có một pháp nào là Phật, tám vạn bốn ngàn ba mươi hai tướng tốt cũng tức là không tướng, huống là vật khác ư? Cho nên lìa tất cả tướng tức gọi là chư Phật. Vì lìa tướng cho nên thế, xuất thế gian không có một pháp nào chẳng phải là Phật, huống lại là tướng hảo ư? Thế nên nói: Phải biết tất cả các pháp đều là Phật Pháp. Nếu hiểu tướng này là chẳng phải tướng, chẳng phải tướng tức là tướng thì tất cả núi sông, cõi nước, cây cỏ, bụi nhỏ bốn loài, sáu đường bò bay máy cựa đều là thể Pháp thân của các Đức Phật cả, huống lại đúc vàng nặn đất, khắc gỗ, vẽ thêu... trang nghiêm tướng tốt

mà không phải Phật ư? Những người trí quán tượng này do gỗ đá, tro đất, sơn keo, kim loại, mầu vẽ... nhờ các duyên hòa hợp mà thành tìm thấy các duyên thì đều là vật thế gian, đều có tên và thể chất, vậy cái gì là Phật ư? Song, duyên không có tướng nhất định, vật không có tên nhất định, mà đã gọi là Phật thì tất cả chúng duyên không gì chẳng phải là thể Phật, đâu thể bỏ đây mà riêng tìm Phật ư? Kinh Hoa Nghiêm nói sắc tướng không phải là Phật, âm thanh giống như thế. Nhưng cũng chẳng lìa sắc thinh mà nhìn thấy năng lực thần thông của Phật. Nếu quán đây mà không chấp ở tướng, cũng chẳng lìa tướng, lý sự như một, Chân tục không hai thì đối tượng mới là thật thấy Phật. Kinh nói: Nếu Phật diệt độ rồi mà ai tạo hình tượng để cúng dường thì đời sau sẽ được Tam-muội niệm Phật thanh Tịnh. Thế nên biết đời mạt pháp mà giữ gìn hình tượng là hơn hết, các căn thượng, trung, hạ đều được lợi ích. Do vậy, Tử Đàn khắc tượng vua Ưu-điền là người mở đầu ở Tây càn, lông trắng dệt vẽ Ca Trúc là kẻ bày đầu ở Đông Hạ. Phép truyền đã rộng, điềm lành càng nhiều. Sinh linh thấy tướng mới biết quy về, Phật hóa nương vào phong tục mà tồn tại lâu dài, có người thành tâm thấu gốc mà gieo tạo hạt giống Thượng Thừa. Cho đến ai giở tay, cúi đầu thì đều trọn thành tựu hạt giống nhân duyên, hay như luận về sự cứu giúp đâu thể nào nói hết. Nên phàm khi đến Đạo tràng phải rất cẩn trọng.

10. Bài Ký về tạo tượng Di-đà ở viện Vô Lượng của Luật Sư Đại Trí Nguyên Chiếu:

Giáo Quán Di-đà chép trong Đại Tạng rất nhiều. Song Phật hóa truyền sang Đông Độ mấy trăm năm nay người thế gian hầu như không ai biết. Pháp sư Tuệ Viễn đời Tấn trụ ở chùa Đông Lâm ở Lô sơn, thần cơ vì thiên hạ chủ trương việc đào ao trồng sen, xây chùa lập thệ, tôn sùng tịnh nghiệp, gọi là Bạch Liên xã. Các bậc danh Tăng cự Nho đương thời không hẹn mà tự đến. Tuệ Trì, Đạo Sinh là người tài của Thích môn, Lưu Di Dân, Lôi Thứ Tông là bậc tài giỏi của làng văn sĩ đều phục giáo mà dự vào Liên xã. Thế nên, đời sau nói Tịnh Xã thì đều lấy Đông Lâm làm trước. Sau đó Thiện Đạo, Hoài Cảm mở rộng ở Trường An, Trí Giác, Từ Vân phát thạnh ở Triết Hữu. Đời sau vì cuồng vọng nên chánh đạo bị mất. Hoặc bị trói cột ở danh tướng, hoặc chìm sâu ở chấp không. Cho nên có người chê niệm Phật là thô hạnh. Bỗng Tịnh nghiệp trở thành con đường nhỏ, tự chấp chặt mà mắt lấp tai ngơ. Nếu nghe cũng không tin, có tin cũng chẳng tu, có tu cũng chẳng siêng. Do đó mà giáo môn Tịnh độ hầu như dứt mất. Than ôi, biết rõ giáo quán

ai bằng Trí Giả khi qua đời thì đọc kinh Quán, khen Tịnh độ mà hóa. Thấu suốt pháp giới ai bằng Đỗ Thuận, khuyên bốn chúng niệm Phật, cảm tướng đẹp mà về Tây. Tham Thiền thấy tánh ai bằng Cao Ngọc Trí Giác, đều kết xã niệm Phật mà cùng chứng Thượng phẩm. Nghiệp nho có tài ai bằng Lưu, Lôi, Liễu Tử Hậu, Bạch Lạc Thiên, song đều cầm bút viết lời thành thật mà nguyện sinh về cõi ấy. Xem đó thì biết nếu chẳng phải là hạng cao kiến cứng rắn, hiểu thấu số biến hóa của sinh tử thì ai tin được điều này. Đời gần đây tông sư công tâm không bè đảng, đem pháp này dạy dỗ học trò. Do đó mà ở đây xây điện đúc tượng, kết xã lập hội không phân biệt sang hèn, già trẻ đều chí thành quy về Tịnh độ, hoặc quán tưởng, hoặc trì danh, hoặc lễ tụng, hoặc trai giới. Cho đến có người thấy hoa sáng, thấy tướng tốt, thân sống lưu xá-lợi, người khi qua đời cảm tướng lành thì rất đông không thể đếm biết. Tịnh nghiệp thạnh hành từ xưa không gì hơn, người thời nay chẳng biết được. May sao đến huyện Lâm An là ấp lớn của đất Hàng. Núi Cữu Tiên là cảnh đẹp của ấp. Viện Vô Lượng lại là cảnh tinh xá đẹp nhất. Ở phía Đông nam viện có xây Quán Âm đường. Ở sau đường có lập điện Di-đà. Học trò là Dụng Uyên quyên mộ được ba trăm lượng của một ngàn nữ sĩ để khắc tướng Phật Di-đà cao tám tấc. Ngày Thượng ngươn niên hiệu Nguyên Hựu thứ tám họp chúng chiêm lễ, Uyên chí thành làm kệ phát thệ nguyện rộng lớn đặt trong bụng tượng. Ngày đó cúng dường năm trăm La-hán, cúng trai chư tăng làm lễ lạc thành. Ngày tám tháng bốn sang năm sau thì trang nghiêm đầy đủ, nghi tướng rất đẹp, lộng lẫy rực rỡ. Do đây người một cõi cùng quy hướng, trong trăm đời được truyền bá. Có ai lễ bái, chiêm ngưỡng, xưng danh quán tưởng thì dứt hết nghiệp căn nơi biển khổ mà sinh về hoa sen ao báu. Bởi hễ vạch đất nhóm cát thì đều thành Phật Đạo, do cúi đầu, giở tay thì đều cùng về Nhất thừa. Huống gì hết sức xây dựng, chí thành giữ Niệm thì lợi ích nào có thể lường được. Nghe xong Uyên mời tôi theo ý đạo ghi văn. Tôi bèn vâng mạng viết ngay.

11. Bài Ký về am An Dưỡng ở Linh Sơn của Cấp Sự Trình Câu:

Trong hà sa cõi có một thế giới gọi là nước An Dưỡng có Phật hiệu Vô Lượng Thọ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Cảnh giới nước ấy đều dùng bảy báu trang sức, thành tựu rộng khắp trang nghiêm. Chúng sinh nước ấy do đời trước đầy đủ phước đức trí tuệ nên hóa sinh vào hoa sen mà trụ ở

địa vị không lui sụt. Nước ấy tuổi thọ không hạn lượng, một ngày một đêm cõi ấy bằng một kiếp ở cõi này. Nước ấy sáu thời trong một ngày đêm đều có nhạc trời, tiếng nghe tuyệt diệu và có tán rãi hoa đẹp như mưa để cùng đùa vui. Nước ấy hoa cỏ đều là hoa sen to như bánh xe, có hàng cây báu lồng chiếu ánh sáng cùng khắp. Nước ấy các chim đều do Như Lai hóa ra, mọi lúc đều giảng nói vô lượng nghĩa giáo. Vì các thứ ít có như thế nên gọi là An Dưỡng. Ở phía Đông cõi An dưỡng cách mười muôn ức cõi nước có thế giới tên là Ta-bà. Trong vô số già-lam trong nước có một già lam tên là Linh Sơn, lại có tinh xá tên là am An dưỡng. Trong đó có người mặc áo hoại sắc, có chúng khất sĩ cạo bỏ râu tóc, gọi là Tu Ý. Am ấy không có hóa sinh trong hoa sen, chỉ có thai, noãn, thấp, hóa, các loài hữu tình là chúng sinh. Am ấy không có tuổi thọ vô biên, chỉ có tuổi thọ năm mươi bảy mươi cho đến một trăm tuổi, am ấy trong sáu thời không trọn, rải hoa đẹp như mưa và các nhạc trời, chỉ có ngày đêm ăn cơm ăn cháo khua chuông gõ trống. Am ấy chung quanh không có cây báu và hoa sen to, chỉ thấy trong núi có cỏ cây hoa lá xinh tươi. Am ấy không có biến hóa các chim giảng nói nghĩa vô lượng, chỉ nghe tiếng chim và côn trùng tự kêu hót. Vì có các thứ hiện tiền ấy cũng gọi là An Dưỡng. Khất sĩ ấy đến các cõi nước, gần gũi các Thiện tri thức, được pháp tạng rồi thọ dùng tự tại, trở về núi này kết am ở yên. Lúc đó ở Bắc sơn, có một cư sĩ thăm viếng già lam vừa đến am An dưỡng gọi đại chúng bảo rằng: Các thứ hiện tiền như trên vừa nói cùng thế giới An dưỡng ở tất cả mọi nơi không phải là nước An dưỡng. Nếu theo đoạn kiến thì Phật Thích-ca việt nam kia há nói lời luống dối. Nếu lấy pháp tướng thì các ông cô phụ Phật Vô Lượng Thọ. Ôi này các thiện sinh, nên y chỗ mà ngồi trong đại đạo tràng. Nếu không tin xin mời đến thành Tỳ-gia-ly mà đợi Loa kế Phạm vương giảng nói cho các ông. Ngày Giáp tý tháng tám, niên hiệu Ninh thứ năm Bắc Sơn Trình Câu kính ghi.

Kinh Duy-ma cật chép: Muốn được Tịnh độ thì phải tịnh tâm mình, hễ tâm mình tịnh thì cõi Phật tịnh. Ngài Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Thế Tôn ta há ý chẳng tịnh mà Phật độ ấy chẳng tịnh ư? Lúc đó Loa Kế Phạm Vương nói. Tôi thấy cõi nước Phật Thích-ca thanh tịnh như cung trời Tự Tại. Ngài Xá-lợi-phất nói: Tôi thấy cõi này uế ác đầy dẫy . Phạm Vương nói: tâm Nhân giả có cao thấp không nương Phật tuệ nên thấy chẳng sạch. Phật liền ấn ngón chân xuống đất thì lúc đó cả cõi Đại thiên châu báo trang nghiêm. Phật nói: Cõi nước ta luôn thanh tịnh như đây, vì độ các căn cơ yếu kém nên hiện bày các điều ác. Ví như các vị trời cùng dùng chén báu ăn cơm, tùy phước đức mỗi vị mà mầu cơm có

khác. Nếu người tâm thanh tịnh liền thấy cõi này trang nghiêm. Ngài Thiên Thai trong Duy-ma sớ có giải thích rằng: Phạm Vương thấy nó giống cõi trời Tự Tại là thuộc tầng Trời cõi Dục, là cõi Đồng Cư Tịnh trang nghiêm đẹp lạ, còn Tịnh độ Tây phương cũng là Đồng Cư Tịnh, mà kinh ấy cũng nêu giống như tầng Trời thứ sáu. Phạm vương thấy cõi uế là tịnh. Còn Xá-lợi-phất ở trong sinh tử Niết-bàn có cấu tịnh cách nhau vì không nương Phật tuệ nên chỉ thấy cấu. Chén báu là ví dụ cho Tịch Quang, còn cơm khác mầu là dụ cho ba cõi kia, đối với Tịch Quang mà thấy khác nhau.

12. Bài Ký về Hoàng đế Cao Tông viết tặng Liên xã của Tổng quản Trương Luân:

Thần có đọc sách Thiên trúc biết xuất thế gian có cõi nước Cực lạc. Cõi nước ấy có Đức Phật hiệu A-di-đà là tiếng Phạm, Hán dịch là Vô lượng. Vì tuổi thọ và ánh sáng các Đức Phật ấy vô lượng, nên còn gọi là Vô Lượng Thọ hoặc Vô Lượng Quang. Khi xưa, Phật bỏ ngôi vua, siêu vượt Độc Giác, ngộ tâm chứng Thánh, dùng năng lực đại nguyện mà độ khắp tất cả. Cõi nước ấy dùng các báu vật quý nhất mà trang sức vô cùng đẹp đẽ. Đất đều bằng vàng ròng, không có núi sông, gò hầm, các thứ hiểm trở. Thời tiết luôn là mùa Xuân, không có mặt trăng, mặt trời, nóng lạnh biến đổi. Không có các khổ đói lạnh sinh, già, bệnh, chết, không có sự vẩn đục của năm đường cùng ở chung. Các thứ thần thông phương tiện, hiện ra các việc ít có để dẫn dắt chúng sinh ưa thích tin tưởng. Hằng ngày ai phát một niệm niệm danh hiệu Đức Phật ấy, thì từ một niệm ấy liền thanh tịnh thuần thục viên mãn, hiểu rõ chân như đồng một pháp tánh. Khi huyễn thân này hết nhưng tánh này không mất. Trong một sát-na cõi Phật hiện tiền, như cầu vật mà chỉ cho người. Thần kính nghe thuyết ấy mà cố gắng siêng năng không gián đoạn chỉ luôn niệm Phật được hơn một năm. Cả nhà lớn nhỏ đều theo. Bèn cất lều tranh, phía Đông lều thì đào ao trồng sen, là bắt chước di ý kết xã của ngài Tuệ Viễn. Hằng ngày bảo vợ con lễ Phật muôn câu. Tuổi đã già nên chọn ngày lành tháng tốt cùng những người tin đạo ở Tinh xá Phổ Tĩnh thấy nghe cùng đến niệm Phật, tiếng như sóng nhảy bờ. Phàm ngài Tuệ Viễn lập Xã này cách nay đã mấy trăm năm, trong thời gian ấy các đạo tục mến mộ phong cách của ngài, nối chí cao của ngài rất đông, về sau họ dần dần mất đi không ai biết, rã mục cùng cỏ cây. Riêng thần nay may được thái thượng Quang Nghiêu Thọ Thánh hoàng đế rửa bút viết hai chữ Liên xã thật lớn để ban thưởng. Sao Khuê từ

trời cao chiếu xuống ánh sáng rực rỡ, muôn người vui mừng việc chưa từng có. Thần kính lạy tạ ân bệ hạ được thêm ba kỷ, thương cõi Nam Bắc, Nhân khắp cỏ cây, Đức thấm côn trùng, như Phật mà độ khắp tất cả. Rực sáng như ánh mặt trời chiếu khắp giống như ánh sáng của Phật, vô lượng công thành, dạy khuyên tự yên. Đức Thánh quân Đại Bảo, giống như Phật siêu nhiên Độc giác ngộ tâm chứng Thánh. Còn như Xuân Đài cõi Thọ, tám dây mà không có thần cổ vũ, dân chúng do đó không biết. Bởi cùng cõi nước Cực lạc không hề gián cách. Do đó nhìn rõ tâm Thánh tâm Phật chỉ một không hai, há Phật Di-đà có tâm khác. Đạo nhãn rỗng suốt vô ngại, biết trong Viêm Tộ chẳng có lỗi thương chúng sinh sao lại hiện thân Đế vương để ứng vận cứu đời. Không phải thế sao khế hợp được với Phật như thế. Thế nên, Phật thọ vô lượng thì Thánh thọ cũng vô lượng, như thế mà biết. Thần rất quý kính vật vua ban, là vật phi thường chẳng truyền riêng cho ai. Rừng mây có dời ngàn muôn thuở một gặp. Giúp cho thiên hạ đời sau hễ có chiêm ngưỡng liền được Tam-muội niệm Phật, rốt ráo thành tựu Vô Thượng Bồ-đề thì lợi ích lớn đâu thể nào lường được. Cung kính khắc đá vàng, khắp bày rộng truyền đến trọn đời.

Ngày lành tháng tốt niên hiệu Càn Đạo thứ hai. Quân châu, Phòng ngự sử Lưỡng Triết, Tây lộ phó đô tổng quản. Tú Châu Chú đáp, thần là Trương Luân kính ghi.

13. Bài Ký về Tháp Di-đà ở Núi Nam Nhạc của Thiền sư Mục Am Pháp Trung.

Các khổ của sinh linh không gì khổ hơn giết hại. Từ vài năm trở lại đây trộm cướp bốn bề nổi lên, binh lửa giao tranh, chết chóc phi lý, đầu rơi máu đổ nhiều vô kể ở khắp nơi. Lại thêm dịch bệnh hành hạ khiến dân càng khổ. Có Tín sĩ Trịnh Tử Long đã đeo mang hạt giống lành, lòng Từ bi đặc biệt phát sinh thấy cảnh khổ ly loạn mà biết oán nghiệp này, chỉ lấy oán báo oán mà thôi. Muốn dứt bỏ nó thì phải có năng lực Phật cứu giúp. Bèn tinh thành vận động người đồng tu hơn muôn vị cùng niệm danh hiệu Phật A-di-đà ở thế giới Cực lạc Tây phương được tám muôn bốn ngàn tạng đã tròn đủ. Lại khuyên đàn việt xuất tiền của nhờ thợ giỏi chẻ đá, xây tháp bảy tầng cao ba trượng hai ở phía Nam động La hán, bên phải đài Diệu Cao, chứa tên người niệm Phật trong tháp, đem lợi ích cao quý này cầu quốc thái dân an, phẩm vật cúng dường. Phàm kẻ chết trận và dịch bệnh đều thoát khỏi đường khổ tối tăm cùng sinh về cõi Tịnh. Lớn lao thay! Đạo của đấng Giác

Hoàng, có hai môn: Chiết môn và Nhiếp môn, tùy cơ cứu vật. Cho nên Đức Thích-ca hiện cõi uế, dùng Chiết môn khiến cho khởi niệm Chán khổ. Đức Di-đà hiện Tịnh độ dùng Nhiếp môn khiến khởi chí "ưa vui". Cõi uế thì gò nổng, hầm hố cao thấp, đao binh đói bệnh khổ não. Cõi tịnh thì ao báu đất vàng trang nghiêm, pháp hỷ, thiền duyệt an vui. Nên ngài Thiên Thai nói: Lạc bang và cõi khổ, vàng báu với sình bùn, Thai ngục so với ao hoa như rừng gai sánh với cây ngọc. Thật do tâm chia ra cấu tịnh mà thấy có hai cõi xuống lên, mà thấy có hai phương thiện ác thô diệu. Nhân đây mà luận thì biết tịnh uế ở đây mà không ở kia. Thể nhập chánh quán mà thấy thì các khổ: Đao binh, dịch bệnh v.v... kia là mỗi mỗi nghịch hóa. Song ở cõi khổ này mà kẻ phàm tình mê mộng còn cho khổ là vui, lắm điên đảo, thật rất đáng thương. Có người nói: Ưa tịnh chán uế, lấy bỏ chưa quên, há bậc Thánh dùng Đạo thấy có hai mà dạy người ư? Đáp rằng: Kinh chẳng nói. tuy biết cõi nước của các Đức Phật và chúng sinh đều rỗng không mà luôn tu Tịnh độ để giáo hóa chúng sinh hay sao? Bởi rõ ràng ưa chán mà không thấy có tư tưởng ưa chán. Đây là chỗ được vậy. Tháp xây xong vào năm Quý Sửu, ngày Trọng Hạ thuộc niên hiệu Thiệu Hưng. Bí-sô Mục Am Pháp Trung ghi việc. Bèn cúi đầu khen rằng:

Kiếp thạch tiêu hết
Chỉ có Tháp này
Không xiêu không đổ.
Cùng núi Nhạc này
Trời đất dài lâu
Chẳng mòn chẳng hoại
Kẻ chết binh, dịch
Đều thoát vòng khổ
Siêu thăng Tịnh độ
Chỉ người Xã này
Các loài sinh linh
Cùng với Vựng chinh
Lành thay Phật tử
Làm việc tốt này
Khen làm sao cùng.

14. Bài Ký về đạo tràng Tịnh độ ở Trừng Giang của Thiền sư Pháp chân Thủ Nhất.

Ngài Thiên Thai Phụng Sư học giáo truyền với ngài Trí Giả,

truyền ở Trừng Giang, người đã thuận hóa, bèn nghĩ các độ môn ở đời này môn khéo léo, ngắn gọn, cốt yếu nhất thì chỉ có pháp môn Tịnh độ là được mà thôi. Do đó giúp họ ưa thích bố thí, tạo lập tôn tượng, xây dựng đạo tràng, dạy người tu hành Tam-muội niệm Phật, cùng chúng cầu nguyện cúng tế. Giao cho tôi viết lời Ký. Tôi nói thuyết Tịnh độ trong kinh luận đều còn, các Sư luận nói cũng đã rất rõ. Các chứng nghiệm hiện ra không hề dối gạt ta. Vậy mà đời còn nhiều người nghi ngờ. Ấy là vì vô minh che lấp, lý sự không hiểu. Xét trong kinh Pháp Hoa có nói: "Dầu người tâm tán loạn mà vào tháp miếu, xưng niệm một câu Nam-mô Phật thì đều đã thành Phật đạo", huống là nhất tâm bất loạn mà cầu sinh, sao riêng mình chẳng như thế. Vả lại thấy điều lành không rõ, dụng tâm bất nhất, thì ở thế gian có muôn pháp, nào có đến được mà chẳng nghi, nào có tu hành mà đến được. Lời Phật nói rất thiết yếu chỉ nên tin chắc mà thôi không nên nghi ngờ có hay không. Song Tịnh độ bảo quả là có ư? Không phải bảo là không ư? Cũng không phải. Bảo là chẳng phải có chẳng phải không ư? Cũng không phải. Thế thì Tịnh độ quả vẫn tồn tại, lìa các thấy trên thì gọi là Tịnh độ, liền thấy Như Lai. Nếu ai nghe lời ấy mà không kinh ngạc sợ hãi thì phải biết người ấy chắc chắn được vãng sinh, không sinh mà sinh vì lấy không trang nghiêm mà trang nghiêm. Tín tâm thanh tịnh một niệm hoa nở. Toàn thể hiện tiền, các tướng đầy đủ. Tâm ấy là Phật tức Bổ xứ nào nghi. Đã vượt khỏi sinh diệt được sống lâu vô lượng. Nếu đối việc này chưa thể tin hiểu thì các phương tiện khác trong chín phẩm có đủ, ngang sức mà tu thì cũng không uổng phí.

15. Bài Ký về tranh vẽ trên vách của Liên xã ở viện Bảo Tích của Ty Phong Chung Ly Tòng.

Đầu niên hiệu Tuyên Hòa, Thiền sư Từ Thọ ở chùa Tuệ Lâm luôn hết lời dạy người rằng: đường tắt tu hành không gì hơn Tịnh độ. Lúc đó, có Ngụy cư sĩ xoay vần hóa đạo quên lo, Giang Dân Bi Củ làm chức Tả ty công muốn làm thơ Tam-muội niệm Phật rộng khuyên dạy đời. Khi tôi chưa đầy hai mươi đã thọ nghiệp ở trường trên, sớm tham dự vào Liên xã. Lại do Tăng huynh là thủ tòa Mộc Nột khẩn thiết khuyên răn sách tấn, biết có tự tánh là Di-đà, chính tâm này là An dưỡng, đến năm nay đã bảy mươi, tuy chiến tranh phiêu linh mà sớm chiều chẳng lười nhác, vì chỗ đắc lực không ít, huống chi tôi lại từng có các kinh nghiệm khác, châu báu tràn đầy, nhưng Thượng thư Vương Mẫn Trung (cổ), đại phu Cát Trung Thẩm (Phồn), đề hình Mã Trung Ngọc (can) đều là

những người thân cận tốt đẹp, sự tích sáng rỡ mọi người đều nghe, thì có lẽ nhà tôi còn có Tịnh duyên này. Mùa hè năm Canh Dần niên hiệu Càn Đạo, tôi thọ ơn phụng thờ, ngụ tại Tô Đài, không hẹn mà gặp giảng sư thật ở Bảo Tích, mãi nghĩ đến ngọn gió mát Liên xã, đuổi theo dấu chân cao của cả Đông Lâm, gặp các bậc danh đức Lý Hầu... ở Đông Bình, mọi người đều quyết tâm tu tập, trải qua nhiều năm chẳng nghịch với lòng, cùng lập xã, đồng thanh niệm Phật, cùng lập thệ nguyện, trải qua nhiều năm viết thành một tập, đủ biết đời này không trái với tự tánh vốn có, báo thân đã tận quyết có chỗ về chân chính, vậy chẳng tốt đẹp ư! Một hôm bạn trong xã họ Ngô than rằng: Muốn phát tâm Bồ-đề thì phải đủ hai hạnh bi, trí. Muốn cầu sinh đất Thánh thì cần phải khai dẫn quần mê. Phải viết về mười cõi chín phẩm để muôn người chiêm ngưỡng, kính trọng và biết tỉnh giác để làm lợi ích rộng lớn vô cùng. Nói chưa hết câu, mọi người đều cùng khen hay, do đó mọi người trong xã đều quyên tiền để làm, người nghe thấy đều tùy hỷ trợ giúp, tuyển thợ làm, huyễn tạo hai bức tranh nơi hai dãy nhà hai bên, lại nhặt nhạnh giáo tạng, phát minh chỉ thú, một là để chỉ bày muôn pháp duy tâm, một là để chỉ đường tắt Tây phương, so với các công đức khác thì trong trăm ngàn muôn ức phần không bằng một phần. Ôi! Tấc bóng như điện chớp, nhân quả như bóng theo hình, chớ ỷ khỏe mạnh mà luống qua ngày, chớ buông lung mà tạo tội. Nhìn pháp môn giản dị này mà có thể tức thời soi xét lại lòng mình thì không lìa nơi đây mà vượt khỏi vòng khổ, cảnh giới chư Phật đều hiện ra trước. Họ Ngô tên là Khắc Kỷ, tự là Phục Chi, một kẻ sĩ tốt của Đông dương. Thuở nhỏ thông minh kiệt xuất, thông suốt cổ kim, đặc biệt hiểu biết sâu xa kinh Dịch, nội điển tường tận, từng luận bàn về nhân duyên lớn ra đời của Đức Phật, đã hưng khởi việc đó lại xem xét kỹ càng. Việc vẽ hình đã xong, qua lại sửa đổi xem xét, lại ghi tên các bạn lữ đàn-việt để không quên mất. Tôi nhân viết lời Tựa tóm tắt rằng: Ngày mồng 1 tháng 9 năm Quý Tỵ thứ 4, tả mười đại phu chủ quản Thai châu trước đây là Chung Ly (Tòng) vốn tôn sùng đạo quán viết Tiên quân ti phong trong khoảnh khắc thờ phụng người họ Ngô, niệm Liên xã có thể quy tâm nên đã tập họp làm lại. Hội có mấy trăm người, có nhiều phong cách của Lô ấp, vẽ hai bức tranh trên vách và chép lại việc này, lập ra Tinh xá Bảo Tích bằng đá, trải qua mười một năm, tiên quân không bệnh mà mất, hưởng thọ tám mươi sáu tuổi, cách nay đã mười lăm năm rồi. Hiểu kỹ các bài văn về Lạc bang rồi thì tạo Tông môn để học theo. Tôi mừng cho chí hướng của ông, vì muốn bản văn nam này không bị hư mất bèn đem ra mà truyền

bá. Chung Ly kính can ghi.

Ký về việc vãng sinh của phu nhân Kinh vương nước Việt - Trực Các Hoàng Sách.

Tôi thấy chúng sinh đều vọng tưởng điên đảo, đam mê năm dục không cầu ra khỏi, chưa có ai có thể phát tâm quyết định nguyện sinh về thế giới Cực lạc Tây phương. Đến khi gặp sự oán ghét phải gặp nhau, ái ân chia lìa, tướng già, bệnh, chết bức bách một cách nguy hiểm, đảo điên ngập chìm trong các độc đau đớn không thể chịu đựng nổi, rồi sau khóc lóc thở than, quy y Phật bảo để hy vọng thoát chết. Do đó phàm là tâm niệm miệng nói thì quy mạng Từ tôn, nguyện tiếp dẫn sinh về Tịnh quốc. Chỉ có phu nhân họ Vương nước Việt thì không thế. Phu nhân là vợ của Kinh Vương lẽ ra phải đắm mê năm dục không cầu ra khỏi, trái lại dốc lòng hẹn quy y Phật Vô Lượng Thọ, nguyện cùng chồng được sinh Tây phương. Những kẻ thấy các khổ hiện tiền không thể chịu nổi mới cầu xuất ly, đâu thể cùng ngày mà nói. Người đời cho rằng phu nhân đời trước gieo trồng phước đức được Phật thọ ký, trở lại nhân gian mà thay Phật giảng đạo, thuyết giáo dẫn dắt kẻ giàu sang cùng tu Tịnh quán, đồng về cõi Phật, lý ấy có thể đúng như thế. Phu nhân thờ Tây phương tinh thành nghiêm khiết, ngày đêm không bỏ mọi người trong nhà đều một lòng, chỉ có một nàng hầu luôn rong ruỗi, chỉ lười biếng không siêng, phu nhân khuyên rằng cả nhà ta đều siêng chỉ có người biếng nhác không theo. Người cho là huyễn hoặc ở trong hội e làm mất đạo tâm, người không phải là người hầu của ta nữa. Người thiếp nghe quở, sợ hãi hối lỗi, và tinh tấn tư duy tịnh niệm nối nhau. Lâu sau người thiếp nói với bạn bảo: "Ta sắp đi." Một tối mùi hương lạ đầy nhà không bệnh mà mất. Sáng hôm sau, người bạn thưa cùng phu nhân rằng hôm qua mình mộng thấy người thiếp đã hóa sinh về cõi tịnh, nhờ phu nhân quở trách mà người ấy siêng tu Tây phương nay được vãng sinh, cảm đức vô lượng. Phu nhân bảo báo mộng cho ta thấy ta mới tin. Đêm ấy phu nhân nằm mộng thấy người thiếp đến tạ ân như trước. Phu nhân hỏi "Tây phương có đến được chăng? Người thiếp bảo xin hãy theotôi. Phu nhân đi theo thì thấy ao bên đường có hoa sen trắng lớn nhỏ xen nhau, hoặc héo hoặc tươi, các thứ khác nhau. Phu nhân hỏi vì sao như thế? Người thiếp nói đây đều là cảnh của người thế gian tu niệm Tây phương. Vừa phát một niệm thiện căn thì liền mọc ra một hoa, do siêng năng, lười biếng không đồng nên héo tươi khác nhau. Bởi siêng năng thì tươi, biếng lười gián đoạn thì khô héo. Nếu cố gắng niệm mãi, định quán hoàn thành thì khi qua đời đều hóa sinh vào hoa sen ấy. Trong đó

có một đóa hoa, cánh hoa bỗng rụng, lại có một người mặc triều phục ngồi, áo phất phơ theo gió, đội mũ quan đeo chuỗi anh lạc để trang nghiêm thân. Phu nhân hỏi đây là ai? Người thiếp nói đấy là Dương Kiệt. Lại có một hoa nở có người mặc triều phục ngồi, nhưng hoa ấy héo chỉ còn lá. Phu nhân lại hỏi, người thiếp đáp: đây là Mã Can. Phu nhân hỏi còn ta sinh ở đâu. Người thiếp dắt phu nhân đi khoảng mấy dặm, Thiếp chỉ phu nhân nhìn xa thì thấy một cái đàn, vàng ngọc sáng chói rực rỡ. Thiếp nói phu nhân hóa sinh ở đấy, đàn vàng là Thượng phẩm thượng sinh. Khi thức dậy, phu nhân buồn vui vời vời. Bèn hỏi thăm thì Dương Kiệt đã mất Mã Can vẫn còn. Nhân ngày mừng thọ, phu nhân cầm lò hương đứng bên Quan Âm. Các lúc đó con cháu đông vầy vây quanh, chúc Thọ xong thì đứng mà hóa. Than ôi kỳ lạ thay! Kẻ giàu sang đối với Phật sự có rảnh rang mà không rảnh, đối việc không đáng tin mà lại tin. Lại sợ không thể dứt nghi ngờ. Còn như kẻ khốn khổ phát tâm phần nhiều đều có lỗi chậm trễ. Cho nên biết nghe chánh tín, phát chánh niệm, tu duyên lành há là việc dễ ư? Dương Kiệt Thứ công thấu suốt tông thuyết mà người không biết, ông ngầm tu Tịnh Quán, khi qua đời có bài kệ đâm lao theo lao. Tôi nghe câu chuyện của phu nhân nay xin nhắc lại để giúp người tin nhận vãng sinh, kẻ chưa tin sẽ chiêu cảm, phát ra văn này mà cùng quy hướng về Tịnh quán cõi Phật.

Tiết quý Đông (tháng 12) Niên hiệu Truyền Hòa thứ năm - Tùy Duyên Cư Sĩ Huỳnh Sách Tử Hư soạn lời Ký. (Kinh Vương (chồng của phu nhân) tức là chú của Hoàng đế Triết Tông).

16. Bài Ký về Mã Thị lang vãng sinh của Ty Phong Chung Ly Tòng:

Mùa Đông niên hiệu Tuyên Hòa thứ năm tôi biết được việc Việt Quốc phu nhân vãng sinh Tịnh độ bèn soạn lời ký này. Niên hiệu thứ sáu, Ngô Tư Đạo hỏi Mã Can ở phía Nam sông Hoài đã khảo thật biết nhiều lời Ký trước. Bởi họ Mã, từ khi Thiếu Sư Trung Túc Công trấn thủ Hàng Châu, một hôm, ngài Từ Vân Tuân Thức Sám chủ trao cho Phật sự ở An dưỡng. Từ đó cả họ đều phụng hành tiếp nối không trái. Đại Phu Công húy là Can, tự Đông Ngọc, là cháu ông. Ông từ nhỏ đã dốc chí tu Phật. Vào niên hiệu Nguyên Phong, có vị tăng tên Quảng Sơ đem luận Thập Nghi của Thiên Thai Trí Giả trao cho. Ông rất vui mừng bảo tôi đã có chỗ nương cậy, lại được Pháp Thập Niệm Hồi Hướng của ngài Từ Vân mà làm theo, suốt hai mươi lăm năm không chút mỏi mệt. Thượng Thư Công Vương Cổ chỉ ông Liên xã Đồ, Quyết nghi tập, Vãng

sinh truyện. Do đó ông tụng niệm càng tinh tiến, lại phóng sinh làm Phật sự, khuyên dẫn mọi người tin tưởng rất đông. Khi ông làm Phó Đương Đồ ở Truy châu thì dân chúng ở Tân Định đều được ông dạy dỗ. Bình thường ông không hề tức giận mà đánh đập một người nào. Luật sư Chiếu ở Tiền Đường khuyên ông giữ niệm, làm quan thì vẫn xem Giáo tạng, tụng kinh chú, đều có phép tắc. Niên hiệu Sùng Ninh năm đầu ông bị bệnh, trải suốt mùa hạ ông rửa tay chải đầu niệm Phật, rồi thay áo chít khăn ngồi thẳng mà hóa. Có hơi nước hình dạng như cái lọng xanh ở trước ngõ rồi bay lên không. Người nhà lớn nhỏ, sang hèn đều mộng thấy ông vãng sinh Thượng phẩm, mười mấy ngày sau đều đúng y, lúc đó, ánh sáng hiện ở chiếu ngồi. Vào tháng tám có người hầu gái bệnh cũng niệm Phật mà mất, ông Giáo thọ húy là Vĩnh Dật, tự là Cương Dữu, là con của ông hành trì theo Thiên Trúc Thập Niệm, tu tập mười sáu pháp Quán hơn ba mươi năm. Tụng Quán Âm thường thấy tướng ngài. Tháng tư năm nay bị bệnh, sai người lo việc chôn cất, bèn thấy Phật Di-đà Quán Âm Thế Chí hiện ra tiếp dẫn, bèn kết ấn mà mất. Đầu nóng, có mùi hương lạ, có xá lợi như ngọc châu. Người em mộng thấy ông nói mình đã sinh Tịnh độ, mười ngày hoa sẽ nở. Trên áo quan ông có hoa sắc vàng năm mầu. Từ đó các điềm lành càng nhiều. Phu nhân họ Vương cũng hành trì pháp mười niệm và tụng kệ phá địa ngục, niệm Phật A-di-đà, có lần mộng thấy chủ địa ngục cảm ơn đã vì chúng ở địa ngục đọc kệ. Sau bà bị bệnh, tu trì không ngớt, niệm Phật mà hóa. Tất cả thân thích, kẻ hầu cũng mộng thấy Vương thị sinh về Cực lạc. Phu nhân cùng chị dâu là Phương Thị có tên trong Báo Ứng Vãng sinh truyện. Tôi nhân việc Việt Quốc phu nhân mà biết Mã Công sinh Tịnh độ. Do Mã Công mà biết vợ con ông cũng sinh Cực lạc. Cho nên lại kể cho mọi người tin tưởng, cũng là kết nhân vị lai.

Tùy Duyên Cư Sĩ Huỳnh Sách Tử Hư kính ghi.

17. Bài ký về Quảng Bình phu nhân vãng sinh của Đãi Chế Vương Dĩ Ninh:

Tôi có nghe đạo với Thiền sư Chánh Giác. Sư mời tôi đọc Luận Khởi Tín. Lúc đó khắp nơi lộn xộn, trong khi bôn tẩu trận mạc chưa rãnh để tỉnh xét. Đến khi bị đày làm quan ở Thiên Thai mới được Bộ luận Khởi Tín của vị tăng gần bên dịch ra, xem qua ba lượt bỗng có nghi. Ngờ rằng đây là sách dạy người Đại thừa thực hành pháp phá Đãn Không, một pháp chẳng lưu giữ mà ở chương cuối lại giữ niệm Di-đà cầu sinh Tịnh độ vậy ý chỉ ấy là sao? Khi về già tôi qua Tuyết Phong

hỏi Thiền sư Thanh Liễu. Sư nói: Về mặt Thật tế chẳng chấp một mảy may, nhưng trong cửa muôn hạnh chẳng bỏ một pháp. Ông muốn phá tướng thế gian mà bỏ Có đắm Không, sau mới chứng Bồ-đề ư? Tôi nói: "Thà là có". Liễu nói: "Như thế thì tu Tịnh độ đối với đạo nào có hại gì"? Tôi mới được yên tâm. Từ đó, làm phước tu hành. Nghe các tri thức gần xa nói việc của Phùng phu nhân rất phù hợp với lời của Thiền sư Liễu, có thể tin là không luống dối.

Phu nhân tên Pháp Tín, là con gái của Chánh Hòa môn Ty Tặng Thiếu Sư húy Tuân. Được mười sáu tuổi thì gã cho Trấn Đào Quân Thừa Tuyên Sứ, nay là vợ của Cư sĩ Diệu Minh Trần Tư Cung. Phu nhân vốn thể chất gầy ốm bệnh hoạn. Khi về với họ Trần thì bệnh càng trở nặng, gọi thầy hốt thuốc, nhưng có ý đợi vô sinh. Thầy thuốc từ tạ rằng thuốc tôi không thể trị bệnh phu nhân được. Lúc đó, Thiền sư Từ Thọ Thâm là Pháp thí chủ ở vương thành. Phu nhân đến thất ngài cầu hết bệnh. Ngài Từ Thọ thương xót dạy cho trì trai niệm Phật nguyện cầu. Phu nhân liền tin tưởng không nghi ngờ. Trai giới chưa được một tháng bỗng bảo người thân rằng: Sáng ăn chay, chiều ăn mặn sẽ tạp loạn ý người. Từ đó bỏ ăn mặn, bỏ cả phấn sáp. Mặc áo quét tháp, chuyên lấy Tịnh quán Tây phương làm Phật sự. Đi cũng Tây phương, ngồi cũng Tây phương, nghỉ ngơi ăn uống cũng Tây phương, nói im động tịnh cũng Tây phương, rót nước dâng hoa cũng Tây phương, xem kinh hành đạo cũng Tây phương. Một niệm sát-na, làm được mảy may điều lành cũng đều hồi hướng Tây phương. Từ năm Nhâm Dần đến Nhâm Tý suốt mười năm quên cả bệnh tật, quên cả buồn lo mà tâm an thân mạnh, thần khí hớn hở, người trong vương thành đều kính trọng. Một hôm, bỗng lấy bút đề mấy chữ rất lạ như nhàm chán cuộc đời, muốn lên tiên, rằng (thơ, dịch đại ý):

"Tùy duyên học nghiệp trải nhiều năm
Uổng làm trâu già mà cày ruộng.
Thu xếp thân tâm sớm giải thoát
Để lỗ mũi khỏi bị người lôi."

Mọi người đều quái lạ. Phu nhân nói: Trong cõi Thanh tịnh vì mất chánh niệm mà đến đây, cõi Chi-na duyên hết hạnh dứt thì về Tây hợp với nguyện của tôi nào có lạ gì. Tháng chín năm Nhâm Tý, phu nhân bị bệnh, lâu sau mới dứt hơi. Một chiều tháng mười hai năm Nhâm Dần thì tỉnh dậy bảo người hầu rằng: Thần thức ta đã về Tịnh độ, lạy Đức Từ Tôn, Quán Âm bên trái, Thế Chí bên phải, có cả trăm ngàn muôn ức Phật tử thanh tịnh cúi đầu mừng tôi vãng sinh về nước ấy. Tất cả cung điện, ao rừng, ánh sáng, thần thông Phật nói pháp v.v...

y như trong kinh Thập Lục Quán đã mô tả không khác, chỉ chứng mới biết. Người hầu gấp báo, Diệu Minh bèn cùng chắp tay khuyến khích giữ niệm chớ quên. Sáng hôm sau, là ngày Giáp Thìn, phu nhân bèn ngồi yên và nằm theo thế cát tường mà mất. Ba ngày sau khi liệm, người nhà luôn nghe có mùi hương lạ thơm nức. Khi trà-tỳ thì thân thể như còn sống, tươi tắn không biến đổi. Phu nhân thọ được ba mươi sáu tuổi, được phong làm Quảng Bình quận phu nhân. Diệu Minh nói với tôi rằng Tư Cung lúc đầu chưa biết đạo, phu nhân đã thật sự khuyến phát. Lại nhờ bị bệnh lâu gần một kỷ (mười hai năm) nên gần gũi người thân dạy dỗ con cháu mỗi mỗi đều có ẩn ý. Đến ngày chết người khóc thất thinh và đốt liều trên đầu, đốt cánh tay... để cầu phước âm phủ, nếu phu nhân không được lòng người thì đâu được như thế. Tư cung rất nghèo, ông từng đẩy xe măng một mình đi xa hai ngàn dặm để xin lúa của anh mình là Chiêu Tuyên Quân Đức Dụ. Lúc đó ở đất Mân trộm cướp tung hoành, phu nhân sai mọi người qua lại ứng biến phương kế như kẻ nam nhi mạnh khỏe ở đời. Phu nhân ý chí cứng rắn khó thể lay chuyển, liệu toan về đạo rất mạnh mẽ quyết được thành tựu cũng thế, đó là việc tốt. Tôi đã già lại bệnh, đối với cõi nước Vô Lượng Thọ mà hỏi đường. Nghe việc của phu nhân rất vui mà viết ký này, không uổng tin lời của hai Thiền sư Giác, Liễu. Cũng xem là lời khuyên huân tu ở tương lai. Niên hiệu Thiệu Hưng thứ ba, ngày hai mươi mốt tháng hai, A-di-đà, đệ tử Phật ở am Chánh Tín là Vương Dĩ Ninh Đãi Chế kính ghi.

18. Bài Ký về tháp Xá-lợi của Anh Vũ ở Hà Đông của Duẫn Vi Cao ở thành đô:

Nguyên Tinh trao năm khí cho muôn loài cá tôm, chim thú ắt có cảm. Kẻ Thanh anh thuần túy hoặc sáng chói nhờ lửa, hoặc vốn nhờ Thương Tinh đều ứng hợp với nhân văn để tùy thời sửa trị mà có thay đổi. Loài cầm thú kia tập quen thì biết nói, hiểu rõ tướng không ở một niệm mà để lại chân cốt khi đã chết, sợ không phải Nguyên Thánh thị hiện, cảm tâm người đồng là duyên khác phải dùng nhất chân mà hóa độ.

Năm trước có người đem cho con chim anh vũ bảo rằng: chim này dáng vẻ đẹp, biết nói. Tại Hoa Hạ, Hà Đông có Bùi Thị ưa thích Đạo Kim Tiên (Phật) nghe Tây phương có các loài chim quý giảng nói tiếng pháp. Tên loài chim này có ghi trong kinh Phạm, khôn hơn các loài chim khác. Do Phật hóa ra thường gần gũi mà đáng kính. Lúc đầu đem

khuyên cấm Lục Trai, kế nói không ăn phi thời, không nhìn kẻ chọc ghẹo, dạy chưởi rủa. Có vị Tăng trang nghiêm dạy kết niệm danh hiệu Phật, bảo rằng từ có niệm cho đến không niệm thì nghểnh đầu đập cánh như lắng nghe. Sau có người bảo niệm thì làm thinh không đáp. Có kẻ bảo không biết niệm Phật thì liền nói A-di-đà thử mãi vẫn thế không đổi khác. Tôi hỏi: lấy "có" niệm làm duyên sinh hay lấy "không" niệm làm chân tế duyên sinh thì không đáp, có lẽ do duyên khởi. Chân tế tuy nói năng mà nói năng vốn không. Khi nhà vắng hoặc sáng sớm thì thường phát tiếng hót dịu dàng như tiếng sáo hòa cùng tiếng trống trời cao thấp, niệm niệm nối nhau. Người nghe đều vui vẻ làm lành. Tháng bảy năm nay chim yếu mệt không vui, người nuôi biết là chim sắp chết bèn đánh khánh bảo rằng người sắp về Tây phương chăng? Ta vìngươi đánh khánh, mỗi tiếng khánh niệm một câu A-di-đà Phật, mười tiếng khánh thì mười câu. Chim xếp cánh co chân, không run không ngã, rồi sau đó im lặng mà chết. Xét trong kinh, mười niệm thành thì vãng sinh Tây phương. Lại nói được Phật tuệ thì khi chết sẽ có xá-lợi. Biết thuyết ấy chẳng phân biệt là khác loại bèn đem hỏa thiêu, sau đó nhặt được mười hạt xá-lợi óng ánh như ngọc. Kẻ thấy người nghe đều kinh dị, đều bảo gương này dạy người mê lợi ích cho đời, chẳng phải là Bồ-tát hóa thân ư? Lúc đó, có vị Cao Tăng là tuệ Quán đến núi Ngũ đài lễ Thánh tích. Nghe nói chim này bèn khóc lóc thỉnh xá-lợi về Linh sơn, dùng bình sành xây tháp mà thờ để nêu việc lạ. Tôi nói chim này sống thì làm đạo, chết thì có linh nghiệm. Do đó, mà xưa chung cho cả Thánh Hiền, đều làm việc chí hóa, như Nữ Oa thân rắn nối dòng vua, Trung Diễn thân chim nối họ Hầu, đâu có sách vở nào nói là quái lạ. Huống chim này có hoằng đạo và chứng quả rõ ràng, há im lặng hổ thẹn mà chẳng viết kể ra ư?

Ngày mười bốn tháng tám niên hiệu Trinh Nguyên thứ 19, kính ghi.

Bài ký trên đây xuất xứ từ Đường Văn Túy. Tôi xem các sách lại thấy ở trong Dị Loại, Tiến Tu Tây phương Hoạch Cảm Nghiệm. Gồm có ba chuyện như văn Long Thơ nói:

Ở Đàm châu có người nuôi một con két, gọi là Bát Bát Nhi, thấy chư Tăng niệm Phật A-di-đà bèn bắt chước niệm theo không dứt, người ta bèn đem cho vị Tăng. Sau chim chết bèn làm quan mà chôn, thì trong miệng chim mọc ra một cành hoa sen. Có bài tụng rằng:

Có một con chim tên Bát nhi
Bắt chước theo Tăng niệm A-di,

Chết chôn dưới đất hoa sen mọc
Chúng ta loài người chẳng biết ư?

Giới Sát Tụng có nói: hai người đánh cá là Lưu Thành và Lý Huy, mùa Xuân niên hiệu Thiên Bảo chở cá đến Đơn Dương ghé thuyền vào bến, Lý đi công việc, Lưu một mình ở lại thì thấy trong thuyền có con cá lớn vẩy râu nghếch đầu niệm A-di-đà Phật. Lưu kinh hãi chạy lên bờ thì nghe có ngàn vạn cá khác đều quẩy đuôi niệm Phật tiếng vang trời đất. Lưu sợ quá đùa hết cá xuống sông. Lý trở về không tin. Lưu đem của riêng ra đền. Hôm sau, Lưu thấy trong đám lau sậy có số tiền một muôn năm ngàn đồng, đề là "Trả ông tiền cá".

Tự Tín Lục nói: Chùa Chánh Đẳng ở Huỳnh Nham có Quán Sư nuôi một con Cù dục (con Yểng) biết nói. Vừa nghe niệm Phật liền bắt chước theo, sau chỉ nghe niệm A-di-đà Phật. Một hôm nó đứng mà chết. Người ta bèn đào đất chôn. Không bao lâu ở lưỡi nó mọc lên cành hoa sen tía. Sư Linh Chi có làm bài tán có câu rằng: "Đứng chết trong lồng quên mọi việc, hóa hoa sen tía thật lạ thay." Lớn lao thay! Ôi loài vật còn lạ lùng như thế. Tôi nghe kinh Đại Di-đà nói: Phật A-di-đà hiện ở các thế giới mười phương giáo hóa vô số trời người, dưới đến loài bò bay máy cựa đều được độ. Thế mới biết Phật hóa độ không phân biệt phẩm loại. Hễ ai có tâm lành thì đều được độ. Còn con người là linh vật của muôn loài làm sao kẻ nghe thấy mà chẳng cảnh tỉnh. Bởi kẻ kính mến cũng nhiều. Nay loài cầm thú bắt chước mà còn hiệu nghiệm há loài người mà không bằng ư?

- VỀ LOẠI TRUYỆN:

Sự tích các bậc Tiên hiền vãng sinh Tịnh độ được soạn truyện gồm có mấy nhà. Số người được ghi chép cũng khoảng năm trăm vị. Thường thường xưa nay là người xuất gia hoặc tại gia, thấp nhất là kẻ tôi tớ, nếu ai biết bổn nguyên nhiếp sinh của Phật ta mà ngầm tu thì khi qua đời kẻ được chiêu cảm rất đông không biết bao nhiêu mà kể. Hơn nữa, làm sao có thể ghi chép hết được kẻ vào môn ta ư? Nay chỉ nêu khoảng mười truyện về số người đã được nói đến hoặc chưa được nói đến. Bởi muốn người sau biết ngọn ngành phép tắc không phải là phát khởi tín tâm mà thôi.

1. Truyện về Bồ-tát Ngũ Thông ở Thiên Trúc thỉnh Phật:

Trong Lịch Đại Tam bảo Cảnh Thông Lục của luật sư Nam Sơn Đời Đường có nói: Xưa, chùa Kê đầu ma ở Thiên Trúc có Bồ-tát Ngũ

Thông đến thế giới An lạc thỉnh Phật A-di -đà rằng: Chúng sinh cõi Ta-bà nguyện sinh Tịnh độ, nhưng không có hình tượng Phật xin Phật thùy từ giáng hứa. Phật bảo: Ông nên về trước ta và các Bồ-tát sẽ hiện ra. Khi hiện ra thì có một Phật và năm mươi Bồ-tát đều ngồi tòa sen dưới cội cây. Bồ-tát Ngũ Thông bèn lấy lá cây vẽ ra mà truyền bá khắp nơi. Từ khi Hán Minh Đế mộng thấy Người vàng liền sai người cầu pháp thì được Ca-Diếp, Ma-đằng... đến Lạc Dương. Sau con của chị Ma-đằng làm Sa-môn, đem pho tượng này truyền bá đến cõi này, không bao lâu thì mang tượng về Tây trúc, cõi này tượng vẽ không truyền khắp Nam, Bắc cho nên nhiều kinh tượng bị mất sợ không còn thấy được nữa. Khi Tùy Văn Đế khai giáo thì có Sa-môn Minh Hiến từ Pháp sư Đạo Trưởng đời Cao Tề được một bản, nói về nhân ý phù hợp với ở trên do đó mà lại truyền bá ở đời. Lúc đó, gặp người thợ vẽ đời Bắc Tề là Tào Trọng Đạt vẽ rất khéo, nhiều tượng Phật truyền khắp kinh ấp hay các chùa am ở Chánh dương còn lưu lại di bút của ông. Trong Pháp Uyển Châu Lâm cũng ghi như thế. Lại Đường Tục Cao Tăng truyện có ghi rằng: Tại chùa An lạc ở Giang độ có vị tăng Tuệ Hải chỉ chuyên tu nghiệp Tịnh độ. Bỗng cảm được Tăng Đạo Thuyên ở Tề châu mang tượng Phật Vô Lượng Thọ để tặng lại. Đây cũng là tượng do Bồ-tát ngũ thông ở Thiên Trúc bay lên không trung thỉnh tôn dung Phật đã ngầm giúp. Ông ở trước tượng luôn ân cần lễ sám, tượng ấy bỗng phát ra ánh sáng rực rỡ, nên đã khẩn thiết nguyện sinh, lấy cái chết làm kỳ hẹn. Một đêm, bỗng trổi dậy xoay mặt về hướng Tây đảnh lễ rồi ngồi kiết già mà tịch vào năm Đại Nghiệp thứ năm đời Tùy. Gần đây, vào khoảng niên hiệu Càn Đạo, Tây hồ cư sĩ Lý Tử Tế xin vị tăng Chí Hiệp vẽ lại tượng này trên lá bối truyền bá ở đất Ngô, ngài Tông Hiểu có nhân duyên được tặng, tưởng tượng như Phật sống. Khi nhàn nhã kể rõ đầu đuôi mà mãi phát tín tâm.

2. Truyện về Pháp sư Lô Sơn Tuệ Viễn:

Thời giáo là do Phật nói nhưng người truyền rộng Thời giáo thì Thiên Thai là Thỉ tổ. Luật tạng tuy do Phật dạy nhưng người mở rộng Luật tạng thì Nam Sơn là thỉ tổ. Thiền Tông vốn là tâm Phật nhưng người truyền tâm Phật thì Đạt-ma là thủy tổ. Khuyên sinh Tịnh độ tuy do đấng Đại giác Từ tôn chỉ dạy nhưng khiến người cõi này biết có Tam-muôi niệm Phật thì Pháp sư Tuệ Viễn là thỉ tổ. Pháp sư húy là Tuệ Viễn, họ Cổ, người ở Nhạn môn. Từ nhỏ đã đi học các nơi thông thạo kinh sử Lão Trang. Hơn hai mươi tuổi hỏi đạo nơi Pháp sư Đạo An, nhờ

nghe giảng kinh Bát-nhã mà hoát nhiên khai ngộ, bèn bảo rằng cả nghị luận của Cửu lưu đều là trấu cám. Nhân đó bèn cạo tóc xuất gia. Đến năm hai mươi bốn tuổi thì hiểu rõ kinh luận, các nghi ngờ đều tan biến. Trong niên hiệu Kiến Nguyên đời Ngụy Tần, ở Tương dương có giặc loạn, nhân chịu khuất ở Tầm dương, thấy núi Lô cao đẹp rất vừa ý. Thứ sử Hằng Y liền lập chùa Đông Lâm để sư ở. Từ đó suốt ba mươi năm không hề xuống núi bước vào nhà tục. Mỗi khi tiễn khách chỉ đến Hổ Khê mà thôi. Hoàn Huyền Chấn Chủ rất oai vệ gặp sư liền chí kính. Vua An Đế đời Tấn từ Giang lăng trở về kinh đô có người khuyên sư ra chào nhưng ngài cáo bệnh không đến, vua phải sai sứ đến viếng. Lúc đó, có Lưu Di Dân, Lôi Thứ Tông, Tông Bính... một trăm mười tám vị cao tăng đều bỏ tục nương theo Sư. Sư lập một trăm hai mươi ba vị vào Liên xã, bảo Di Dân soạn lời thệ ở trước tượng Di-đà, chí thành lập thệ nguyện sinh An dưỡng. Tạ Linh Vận một kẻ ỷ tài kiêu ngạo khi gặp Sư liền tâm phục. Ông đào hai ao dẫn nước trồng sen trắng xin vào Liên xã, nhưng vì tâm tạp nên ngài ngăn không cho. Đào Uyên Minh, Phạm Ninh nhiều lần vời vào Xã nhưng không được. Nên Tề Kỷ có thơ rằng: "Nguyên Lương say nhiều khó vào Xã, Tạ Công tâm loạn vào ngại gì?" Tuệ Viễn đối với Tịnh độ rất chuyên cần. Trong mười một năm đầu lắng tâm hệ tưởng ba lần thấy Phật mà Sư vẫn im lặng không nói với ai. Mười chín năm sau đến ngày tối trời tháng bảy, ngài ở bên Đài Bát-nhã xuất Định thì thấy thân Phật đầy khắp hư không, trong ánh sáng có các Hóa Phật, Quán Âm, Thế Chí đứng hầu hai bên. Lại thấy dòng nước chảy có ánh sáng chia làm mười bốn nhánh từ trên chảy xuống, từ dưới chảy lên giảng nói khổ, không. Phật bảo Tuệ Viễn rằng: ta dùng năng lực Bổn nguyện đến khuyên khích ông, bảy ngày nữa ông sẽ sinh về nước ta. Lại thấy Phật-đà-da-Xá, Tuệ Trì, Đàm Thuận đứng bên Phật, đến trước chào Viễn thưa rằng: Chí sự trước chúng tôi sao lại đến trễ thế rồi biến mất. Sư bảo đồ chúng rằng: Ta từ trước nay ở Tịnh độ ba lần thấy Phật, nay lại thấy nữa, vậy chắc chắn ta vãng sinh. Ngày hôm sau sư bị bệnh, hẹn bảy ngày thì hóa, khuyên các đồ chúng nên cố gắng không để buồn thương vướng lụy. Đến ngày hẹn thì quả sư hóa, thọ tám mươi ba tuổi, vào ngày mồng 6 tháng 8 niên hiệu Nghĩa Hy thứ 12. Sư di chúc nên để lộ thi hài sư dưới rừng thông. Nhưng các đệ tử an táng sư ở ngọn núi phía Tây. Tạ Linh Vận làm lời minh, Trương Dã làm lời tựa, năm Đại Trung thứ hai đời Đường, có hiệu là Biện Giác Đại sư. Năm Thăng Nguyên thứ ba, đổi hiệu là Chánh Giác. Đại Tống năm Hưng Quốc thứ ba, tuy hiệu là Viên Ngộ đại sư, xây tháp Ngưng Tịch.

Sư có tạp văn hai mươi quyển, tên là Lô sơn tập. Luật sư Nguyên Chiếu Linh Chi viết tựa, khắc bản in để trong phủ Thiếu Hưng. Kẻ thức giả rất kính.

3. Truyện về năm vị Tổ pháp sư nối nhau nhiều đời của Liên xã:

Lập Liên xã Tuệ Viễn Công là thỉ tổ. Từ khi sư quy tịch đến nay là năm kỷ niên hiệu Khánh Nguyên thứ năm đời Đại Tống đã được tám trăm lẻ chín năm. Trong khoảng đó người nối đạo có năm là ngài Thiện Đạo, ngài Pháp Chiếu, ngài Thiếu Khang, ngài Tỉnh Thường và ngài Tông Sân, đều kính lễ Phật từ, mở rộng Độ môn. Khác đời đồng dấu đều là bậc dẫn dắt giỏi, truyện ký có ghi chép đủ không thể giấu cho nên ghi lại.

1. Sư Thiện Đạo:

Chẳng biết sư là người ở đâu. Vào niên hiệu Trinh Quán đời Đường gặp Thiền sư Đạo Xước tại Cửu Phẩm Đạo Tràng ở Tây Hà giảng tụng kinh Quán. Sư rất mừng bảo rằng: Đây mới thật là nẻo tu thuyết yếu tu vào Phật, các môn khác đi vòng khó thành, chỉ có quán môn này mau thoát khỏi sinh tử. Do đó mà dốc chí, tinh chuyên cần khổ như cứu lửa cháy đầu. Sau Sư đến kinh đô kích phát bốn chúng vào Phật thất quỳ thẳng niệm Phật, nếu chưa kiệt sức thì chưa thôi. Dầu trời rất lạnh cũng phải đợi ra mồ hôi. Nói pháp Tịnh độ cho người nghe suốt ba mươi năm thề không ngủ nghỉ. Hành Đạo Ban-chu, lễ Phật Phương Đẳng. Có người cúng thí bao nhiêu đều dành dụm viết kinh Di-đà hơn một trăm ngàn quyển, vẽ biến tướng Tịnh độ hơn ba trăm bức. Đạo, Tục ở Kinh Hoa chịu sự giáo hóa của sư đông không kể hết. Có người hỏi sư rằng: Niệm Phật có sinh Tịnh độ chăng? Sư đáp: Ông hãy niệm thì sẽ toại nguyện. Rồi sư tự niệm một tiếng Phật thì có một luồng ánh sáng từ miệng phát ra. Niệm mười câu trăm câu ngàn câu thì cũng có trăm ngàn tia sáng như thế. Sau sư bảo người: Thân này đáng chán, các khổ biến đổi. Rồi sư leo lên cây liễu xoay về hướng Tây nguyện rằng: Nguyện Phật dắt dẫn con, Bồ-tát giúp con không mất chánh niệm, không bị lui sụt. Nói xong thì gieo mình xuống đất mà hóa. Vua Cao Tông biết miệng sư phát ra ánh sáng tinh anh như thế, bèn tặng tấm biển ngạch đề là Quang Minh. Thiên trúc vãng sinh lược truyện chép Phật A-di-đà hóa thân tự đến Trường An, nghe có tiếng nước róc rách Hòa thượng bèn bảo: "Có thể dạy niệm Phật". Bèn đi khuyến hóa rộng khắp. Ba năm sau thì khắp thành Trường An đầy tiếng niệm Phật. Sau có Đại sư Pháp Chiếu tức là hậu thân của ngài Thiện Đạo.

2. Sư Pháp Chiếu:

Niên hiệu Đại Lịch thứ tư thời vua Đại Tông đời Đường, tại chùa Hồ Đông ở Hành châu, sư mở Đạo tràng ngũ hội niệm Phật, cảm được mây lành năm sắc che trên mái chùa. Trong mây có lầu các, thấy Phật A-di-đà và hai Bồ-tát thân cao lớn đầy khắp hư không. Lại ở ngoài đạo tràng gặp một ông lão chỉ cho thấy Đức Văn-thù. Sư bèn đến núi Ngũ đài, Đại Thánh hiện ra chùa Trúc lâm. Sư vào giảng đường thì thấy Đức Văn-thù ở phía Tây, Phổ Hiền ở phía Đông, nói pháp cho chúng nghe, bèn đảnh lễ hỏi rằng: Chúng sinh phàm phu đời mạt sự hiểu biết yếu kém, Phật tánh tâm địa không do đâu mà hiển bày, chẳng biết tu pháp môn nào là cần thiết nhất. Văn-thù nói: Lời ông hỏi rất là đúng lúc, các môn tu khác không bằng niệm Phật. Ta ở quá khứ nhân niệm Phật mà được Nhất-thiết-chủng-trí . Sư lại hỏi: Niệm như thế nào. Đức Văn-thù đáp: Về phương Tây thế giới này có Phật A-di-đà, nguyện lực khó suy nghĩ bàn luận, ông nên giữ niệm không để gián đoạn thì khi qua đời chắc chắn vãng sinh. Nói xong liền xoa đầu Sư rồi biến mất. Sư tiếp đến Tinh Châu lập hội dạy người niệm Phật. Vua Đức Tông ở trong cung Trường An thường nghe hướng Đông Bắc có tiếng niệm Phật. Liền sai sứ đi tìm. Khi đến Thái Khang thì quả thấy sư Pháp Chiếu đang khuyến hóa rất thạnh hành. Vua bèn ban sắc đón vào cung dạy cho người trong cung niệm Phật, cũng đủ năm hội, xét bia của Nam Nhạc Di-đà Hòa thượng có nói: Đời vua Đường Đại Tông có sư Pháp Chiếu là Quốc sư. Trước ở Lô sơn, trong chánh định đến nước An lạc thấy người áo xấu hầu Phật, Phật bảo đây là người thừa kế Tuệ Viễn ở Hành sơn. Xuất định sư liền tìm đến gặp người giống y, bèn theo học mà truyền giáo trong thiên hạ. Sư theo pháp của Tuệ Viễn.

3. Sư Thiếu Khang:

Sư là người ở Tiên đô thuộc Tấn Vân. Đầu niên hiệu Trinh Nguyên, sư đến chùa Bạch Mã ở Lạc dương thấy kinh sách trong điện phát ra ánh sáng. Bèn đưa tay lấy bất cứ một quyển nào thì gặp văn Tây phương hóa đạo của ngài Thiện Đạo. Sư nói: nếu tôi có duyên với Tịnh độ thì xin cho bài văn này lại phát sáng nói chưa dứt lời thì quyển sách lại phát sáng. Sư nói kiếp đá có thể mòn chứ nguyện tôi không đổi. Sư bèn đến Ảnh đường thờ ngài Thiện Đạo ở Trường an trình bày hết nguyện vọng thì ảnh tượng ngài Thiện Đạo bay lên hư không bảo rằng: Ngươi nên theo việc ta mà lợi lạc hữu tình, thì công đức của ngươi sẽ được sinh An dưỡng. Lại giữa đường, Sư gặp một vị Tăng bảo nếu muốn độ người thì hãy đến Tân Định, nói xong thì biến mất. Tân Định nay là Nghiêm

châu. Khi Sư đến thì người ở đấy chưa biết gì cả... Sư bèn xin tiền dụ trẻ con bảo: Phật A-di-đà là Bổn sư các con, nếu ai niệm một câu Phật thì ta cho một tiền. Trẻ con ham tiền bèn theo Sư niệm Phật. Sau một tháng rất nhiều trẻ đợi được tiền. Sư bèn bảo niệm mười câu thì cho một tiền. Được một năm thì già trẻ, sang hèn đều niệm Phật đầy đường. Sư bèn đến núi Ô Long lập đạo tràng Tịnh nghiệp. Xây đàn có ba bậc, nhóm hợp mọi người sau giờ Ngọ hành đạo. Sư niệm lớn một tiếng A-di-đà Phật thì cả chúng cùng hòa theo. Sư niệm một câu, Phật thì mọi người thấy từ miệng sư bay ra một vị Phật. Niệm mười câu thì có mười vị Phật bay ra nối nhau như xâu chuỗi. Sư bảo ai thấy Phật thì chắc chắn được vãng sinh, chúng đông cả mấy ngàn, cũng có người không thấy. Sau sư di chúc cho đạo tục đối với An dưỡng nên phát tâm tăng tấn, đối với Diêm-phù-đề nên sinh tâm chán lìa. Nói xong thì phát ra mấy luồng ánh sáng rồi an nhiên mà hóa. Tháp thờ sư ở đài Tử Nham. Ngài Thiên Thai có sửa sang lại tháp sư. Đời cho sư là hậu thân ngài Thiện Đạo.

4. Sư Tỉnh Thường:

Vào niên hiệu Thuần Hóa đời Đại Tống, sư trụ ở Tiền đường phía Nam viện Chiêu Khánh, chuyên tu Tịnh nghiệp, kết xã Tịnh Hạnh. Vương Văn Chánh Công Đán là Xã thủ (người đứng đầu Liên xã),Hàn Lâm Thừa Chỉ Tông Bạch soạn văn bia, Hàn Lâm Học Sĩ Tô Dị Giản soạn bài tựa Tịnh độ Phẩm, Trạng nguyên Tôn Hà đề Xã Khách, ở mặt sau bia cũng có soạn lời ký. Sĩ phu dự hội đều gọi là Tịnh Hạnh xã Đệ tử. Xã hữu có tám mươi vị Tỳ-kheo, một ngàn đại chúng. Lô Sơn Trí Viên làm ký về hạnh nghiệp của sư và bia của Liên xã, trong đó Bi ký dẫn lời tựa của họ Tô rằng: Tôi từng trải tóc để lót chân ngài, cắt thịt để thưa hỏi Pháp, ngài cũng không tức giận huống là lời lẽ quê mùa học cạn mà tiếc ư? Trong Tống Bia có nói: Sư mến việc Tuệ Viễn mở Liên xã ở Lô sơn bèn đổi chữ Liên hoa thành Tịnh Hạnh. Tuệ Viễn ở thời suy yếu cuối đời nên kết nạp các sĩ phu phần nửa là ẩn cư, còn sư đây thuộc thời thanh bình nên phần nhiều người theo đều có địa vị cao hiền. Phương trước thì danh sĩ lại đông, dạy nhiều thì bến cầu nào dứt. Nhận lời của hai ông nghĩ sự hưng thạnh đương thời cũng có thể thấy rõ khái quát.

5. Sư Tông Trách:

Sư được vua ban hiệu là Từ Giác. Vào niên hiệu Nguyên Hựu, sư trụ chùa Trường Lô tại Chân châu. Sư thuyết đều thông dốc lòng khuyến hóa mọi người. Có Vi Giang Tập lưu hành ở đời, trong đó nêu các thứ Phật Sự, đều vận dụng từ niệm. Bởi Sư đều làm lợi ích, cho mình

và người sức nguyện rộng sâu, cho nên xa nối tiếp Phật hóa. Người như thế kẻ không biết trở lại ganh tị. Buồn thay, khi sư ở Trường Lô, hải chúng nhóm hợp như mây. Bèn nghĩ vô thường như lửa cháy bốn phía, đâu thể ngồi yên mà đợi chết. Bèn theo phép Lô sơn lập ra thắng hội Liên hoa khuyên khắp tu hành Tam-muội niệm Phật pháp. Đó là ngày niệm Phật trăm câu ngàn câu cho đến muôn câu mà hồi hướng nguyện cầu vãng sinh Tịnh độ Tây phương. Mỗi ngày ít nhất cũng mười hơi ghi nhớ, liền cảm được hai vị Đại Bồ-tát Phổ Hiền, Phổ Tuệ dự hội chứng minh việc cao quý. Nếu không phải chỗ vì tu khế hợp thì sao bậc Thánh hiện đến. Ngài Linh Chi khen sư là Đại thừa sư trong các Đại thừa sư ở đời cận đại.

Như trên là năm vị nối thạnh hạnh nghiệp Đại Pháp như thế mà nối nghiệp tổ Tuệ Viễn, ai bảo là không phải?

4. Truyện về ngài Pháp Duyệt Tăng Chủ ở kinh đô đời Lương:

Ngài Pháp Duyệt ở kinh đô đời Lương, trụ chùa Chánh giác làm Tăng chủ cuối đời Tề. Rất tinh tu phước nghiệp, bốn bộ chúng đều kính nương. Sư có nghe Tống Minh Đế tạo tượng vàng cao trượng tám, bốn lần đúc không thành. Do đó sửa thành một trượng tư. Sư bèn cùng sư Trí Thanh ở chùa Bạch mã cùng sửa lại làm tượng Phật Vô Lượng Thọ cao trượng tám để nói lên chí mình. Bèn tập hợp vàng, đồng từ cuối đời Tề loạn ly đến đầu đời Lương mới đem việc tâu lên vua. Vua bèn ban sắc cho làm và thợ khéo tùy ý mà dùng. Vào ngày ba tháng năm niên hiệu Thiên Giám thứ tám tại chùa Tiểu Trang Nghiêm đúc thân Phật bốn mươi ngàn cân đồng chảy, nhưng chỉ mới đến ngực.

Bá tánh bèn ném vàng vào lò nhưng đổ vẫn không đầy. Vua lại nghe tâu, bèn sai đem ba ngàn cân đồng đến, khi đến thì lò đúc đã nghỉ vì thấy truyền chiếu chở đồng đến bèn nấu thêm một canh nữa. Mọi người ở trong Đài khi đồng đến mới biết. Trước đó đã có linh cảm mà ra. Đến khi khai mạc đo tính lại tượng cao một trượng chín mà quang tướng không sai khác. Có hai đồng tiền lớn ở trên áo thật thần dị khó lường. Lúc đầu, khi tượng mới đúc thành có sư Đạo Chiêu giữa đêm lễ sám bỗng thấy có ánh sáng rực rỡ. Sau khi đúc ba ngày có vị Tăng tên Đạo Độ giúp tiền để khai mạc, xa trông thấy có hai vị tăng mở búi tóc của tượng rồi biến mất. Khi dời tượng thì ánh sáng đầy nhà. Đã lâu không mưa lại đầy bụi bậm, bỗng đêm có mưa nhẹ thấm ướt sư Tăng Hựu đi kinh hành chỗ tượng, bỗng thấy bên tượng có ánh sáng trên dưới như đèn đuốc. Đêm ấy ở Hoài Trung những người đi buôn đều nghe trên cầu

có tiếng hò reo như tiếng của mấy trăm người. Từ khi Phật pháp truyền về phía Đông thì tượng vàng linh cảm không đâu hơn tượng này.

5. Truyện về Pháp sư Bích Cốc Thần Loan đời Hậu Ngụy:

Thích Đàm Loan, người ở Nhạn môn. Thuở nhỏ dạo chơi núi Ngũ đài nhân cảm điều linh dị bèn xuất gia, ba thừa đốn tiệm, Lý Văn đều thông suốt. Tánh sư thích Phương thuật. Nghe ở Giang nam có Đào Ẩn Cư có pháp sống lâu bèn muôn dặm tìm cầu. Đào bèn trao cho mười quyển kinh Tiên đã học. Sư vui mừng tự đắc cho rằng thần tiên sẽ có thể đến được. Sau sư trở về Lạc hạ gặp Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi, bèn hỏi Chi rằng: Đạo Phật có pháp sống lâu có thể xua đuổi được già chết chăng? Chi cười đáp: Sống lâu không chết là đạo của Phật ta, đạo gia làm gì có. Bèn lấy kinh Thập Lục Quán trao cho, bảo rằng: Ông tụng kinh này thì không còn sinh ba cõi, sáu đường không còn đến, phiền não vắng lặng. Họa phúc thành bại không còn đến. Về sống lâu thì có kiếp thạch, có hà sa. Nhưng số hà sa còn có hạn lượng chớ sự sống lâu kia thì vô cùng. Vì đây là sự sống lâu của Phật ta. Loan nghe nói bỗng khởi tâm tin sâu bèn đốt hết sách tiên đã học mà chuyên tu nghiệp ba thứ phước, quán tưởng chín phẩm sen. Dẫu nóng lạnh cũng không dời đổi, bệnh tật cũng không lười mỏi. Ngụy chúa mến chí sư bèn ban hiệu là Thần Loan. Một đêm, đang lúc trì tụng bỗng thấy một Phạm Tăng (Tăng Ấn độ) chợt vào thất bảo rằng: Ta là Long Thọ ở Tịnh độ. Vị ông có tâm Tịnh độ nên đến thăm ông. Loan thưa: Có điều gì khuyên dạy? Thọ nói: "Đã qua không thể kịp. Chưa đến không thể theo. Hiện tại nay ở đâu. Ngựa câu khó cùng về." Nói xong thì biến mất. Loan cho việc thấy là rất lạ, biết là chết đã đến kỳ hẹn. Bèn nhóm chúng trình bày mọi việc và khuyên dạy rốt ráo. Rồi bảo lớn tiếng niệm A-di-đà Phật, bèn xoay mặt về Tây, nhắm mắt mà hóa. Cả chúng cùng nghe có tiếng đờn sáo ở trên hư không từ phía Tây vọng đến, rất lâu mới im bặt. Ngụy chúa cảm kích, sắc an táng ở Phần Tây và theo hạnh nghiệp của sư mà lập bia.

Văn Long Thơ Tịnh độ nói: Xét kinh Lăng Nghiêm nói có mười thứ tiên đều sống ngàn tuổi. Số hết thì trở lại luân hồi, không hề rõ được chân tánh, cho nên cùng chúng sinh sáu đường đồng gọi là bảy đường, đều là loài còn trong luân hồi. Người đời học tu tiên muôn người không được một. Dẫu được thì cũng chẳng khỏi luân hồi vì đắm nhiễm ở hình thần chẳng thể bỏ được. Vả lại hình thần là do vọng trưởng trong chân tánh hiện ra không phải thật. Nên thơ Hàn Sơn nói: Dẫu ngươi được

thành tiên, giống như quỷ giữ thây, không phải như nhà Phật, sinh tử tự như như, không có gì ràng buộc. Từ xưa người được Tiên chỉ có Chung Ly, Lữ Công, mà kẻ học hai ông đâu phải chỉ ngàn muôn. Chính tôi thấy nghe số cũng chẳng ít, nhưng cuối cùng thì đều chết chôn dưới đất. Bởi bình sinh uổng phí tâm lực không hề được ích lợi gì. Muốn cầu trường thọ không gì bằng Tịnh độ. Người sinh về Tịnh độ thì sống lâu vô lượng, đó là sống lâu vậy. Chẳng tu pháp này mà học phép tiên là bỏ ngọc thật trước mắt mà tìm kiếm thứ ngọc giả (đá giả ngọc) chẳng thể được, há chẳng lầm ư?

6. Truyện Thiền sư Lô sơn Đạo Trân đời Lương:

Thích Đạo Trân, đời Lương, vào niên hiệu Thiên Giám, sư đến ở Lô sơn. Nghe thuở xưa ngài Tuệ Viễn kết Xã Tịnh Phương thì tâm rất kính mến, nhưng sự thực hành tâm còn dụ dự. Lúc khác, bỗng mộng thấy mấy mươi người ngồi thuyền trên biển đi về phía trước. Trân hỏi thì bảo về nước Di-đà. Trân hỏi: Cho theo được chăng? Thì đáp: Không dám từ chối ý ông, chỉ vì ở cõi này công tu trong một ngày thì vượt vĩnh kiếp mà ông chưa tụng một kinh Di-đà, lại chưa từng làm nhà tắm cho chúng Tăng thì làm sao đi được. Trân thức giấc hổ thẹn buồn lo. Bèn chuyên trì kinh và lập nhà tắm lớn. Hai năm sau, một hôm bỗng nhà vắng cửa mở toang, có người bưng đài bạc đến nói: Pháp Hoa báo hết nên bước lên đài này. Lại bảo: Công hạnh của Sư đáng ngồi Đài Vàng nhưng vì tâm ban đầu còn do dự nên ngồi đài bạc này. Trân tạ ân bảo: Chỉ cần vượt năm khổ, ra khỏi ba cõi thì Trân được thấy Phật, cần gì đài vàng. Trân ít nói năng, dẫu thấy việc này vẫn không bảo ai, chỉ viết ra giấy dấu trong rương kinh. Đêm sư tịch thì ở bên sườn núi có cả trăm ngàn ngọn đuốc chiếu sáng rực một vùng. Dân làng trông thấy rất kinh dị. Sáng hôm sau hỏi ra mới biết Trân mất, đó là điềm vãng sinh. Một hôm mở rương ra thì được lời ghi ấy bèn viết thành truyện.

7. Truyện Pháp sư Thiên Thai Pháp Trí đời Tùy:

Sư Pháp Trí đến học ở Đông Việt, kẻ thông suốt kinh nghĩa Đại, Tiểu thừa thì Trí đáng bậc thầy. Vì học rộng nghe nhiều nên ít người làm bạn. Tuổi về già Sư thấy pháp môn nhanh chóng thẳng tắt không gì bằng niệm Phật. Sáng làm chiều nghỉ giữ niệm không dứt suốt bảy năm rồi luận rằng: Phạm một tội kiết-la là chịu tội suốt một trung kiếp, đây thật đáng tin, lấy cớ đó mà làm. Niệm một câu A-di-đà Phật mà diệt hết trong tội trọng ức kiếp thì tôi thiệt có nghi. Có người bảo Trí

đừng nghi, bèn dạy Trí niệm Phật: "Lâu thì có công, có công thì có hóa, hóa thì Tam-muội hiện tiền. Nay ông nghi là nghi Phật vậy. Phàm lời Phật nói đâu thể nghi ngờ. Đức Thích Tôn phát ra tướng lưỡi rộng dài, các Đức Phật mười phương cùng khen ngợi Tịnh độ, chính là vì chúng sinh Tín căn khó lập cho nên khuyên phát ra. Pháp Trí dứt nghi, bèn ở chùa Quốc thanh mà dứt hết các duyên, một lòng niệm Phật, Tưởng niệm đã rốt bèn cảm được Quán Âm, Thế Chí hiện thân. Ngày nọ lại cảm được Bình báu trên thiên quan ánh sáng chiếu thân. Pháp Trí bảo đạo, tục rằng: Tôi sẽ sinh Tịnh độ, ai có thể nấu thức ăn ngon tiễn tôi? Chúng nghe đều cười bảo rằng: Chỉ sợ Đạo nhân không thể làm được việc ấy mà thôi, chúng tôi không từ nan. Rồi hẹn ba ngày sau họp lại làm yến tiệc. Tiệc xong thấy Trí không có gì khác, chúng đều nghi ngờ bèn bảo nhau đêm đến cùng rình xem. Chưa đến nửa đêm thì Trí ngồi trên giường dây niệm Phật mà hóa. Đêm ấy có ánh sáng vàng từ hướng Tây chiếu đến khắp mấy trăm dặm. Ngư dân trên sông tưởng trời sáng gọi nhau cùng dậy, trông thấy đều kinh sợ.

8. Truyện về Thiền sư Vĩnh Minh Trí Giác đời Đại Tống:

Sư húy là Diên Thọ, vốn người ở Đơn dương. Sau dời về Dư Hàng. Tuổi còn để chỏm tụng kinh Pháp Hoa chỉ sáu tuần là sư thuộc làu. Sư có làm thuế vụ Bắc Quách Chuyên Tri quan, gặp cá tôm liền bỏ tiền ra mua phóng sinh. Sau thâm lạm của công vì mua vật phóng sinh mà bị tội chết giữa chợ. Tiền chủ (Tùy Dạng Đế) sai người rình xem nếu sư có vẻ buồn sợ thì chém, còn không thì thả. Thấy sư tự nhiên không đổi sắc mặt nên ra lệnh thả. Nhân đó vào chùa Thúy nham ở Minh châu xuất gia. Kế đó tham vấn Thiều Quốc sư mà phát sáng tâm chính yếu. Lúc đầu, đến chỗ ngài Thiên Thai Trí Giả tập định chín tuần, có chim yến làm tổ trên vạt áo của sư. Ở chùa Quốc thanh khi hành trì Pháp Hoa sám, thì đêm thấy vị thần cầm kích đi vào, sư quở sao dám tự tiện vào ngang, thì đáp: Tích lũy Tịnh nghiệp đã lâu nên đến đây. Nửa đêm sư đi nhiễu đến trước tượng Phổ Hiền cúng dường thì bỗng thấy trên tay mình có hoa sen. Vì nghĩ trước có hai nguyện: Nguyện trọn đời thường tụng Pháp Hoa và nguyện trọn đời rộng độ chúng sinh. Nhớ hai nguyện này lại ưa thích Thiền định vắng lặng, rồi tấn thối lưỡng nan không thể tự quyết. Bèn lên Thiền Viện Trí Giả làm hai lá thăm. Một là nhất tâm thiền định, hai là tụng kinh, làm muôn điều lành Trang nghiêm Tịnh độ. Rồi tự hẹn hai đường chọn một, công hạnh sẽ thành. Quyết bắt thăm bảy lần để làm chứng. Bèn tinh thành cầu Phật Tổ mà đưa tay lấy, thì

cả bảy lần đều được lá thăm Tụng kinh, làm muôn điều lành vãng sinh Tịnh độ. Do đó một lòng chuyên tu Tịnh nghiệp. Bèn chống gậy Kim Hoa lên ngọn Thiên Trụ tụng kinh suốt ba năm. Trong khi thiền quán thì thấy Quán Âm rót cam lộ vào miệng. Từ đó phát Quán Âm biện tài. Trước sư ở núi Tuyết bảo. Về già, vua ban chiếu về trụ chùa Vĩnh minh đồ chúng đến hai ngàn người, nhật khóa hằng ngày làm một trăm lẽ tám việc. Người học đến thưa hỏi thì sư chỉ: Tâm làm tông, lấy ngộ làm quyết. Sư sáng tối đến ngọn núi riêng hành đạo niệm Phật. Người chung quanh nghe trong núi có tiếng nhạc trời bằng loa ốc. Trung Ý Vương khen rằng từ xưa nay người cầu Tây phương chưa ai chí thiết bằng sư. Bèn xây dựng cho sư điện Tây phương Hương Nghiêm để sư trọn thành chí nguyện. Ngày hai mươi sáu tháng hai niên hiệu Khai Bảo đời Đại Tống, buổi sáng dậy sư đốt hương, cáo biệt chúng rồi ngồi kiết già mà hóa.

9. Truyện về Trinh Tiết Xử Sĩ Dữu Tiên đời Lương:

Dữu Tiên tự là Ngạn Bảo, người ở Tân Dã. Thuở nhỏ thông suốt kinh sử, hiểu rõ triết lý của trăm nhà hiền triết. Còn như bói toán cơ xảo đều nổi tiếng một thời. Mà tánh sư thì giản dị, thích cảnh suối rừng. Vườn nhà mười mẫu ở bên ao, ăn rau dưa mặc áo xấu chẳng chú trọng sản nghiệp. Có lúc ngồi thuyền theo sông Thư về có chở một trăm năm mươi thạch gạo, có người gởi thêm ba mươi thạch. Về đến nhà, người gởi nói của ông ba mươi thạch, của tôi một trăm năm mươi thạch. Tiên vẫn làm thinh không nói, để anh ta lấy đủ số. Phàm xử sự đều như thế cả. Thuở nhỏ, Võ Đế chơi rất thân với Tiên. Đến khi khởi binh thì phong cho Tiên làm Bình Tây Phủ Ký Thất. Đến niên hiệu Phổ Thông thì vua ban chiếu cho tiên làm Huỳnh Môn Thị Lang. Ông đều thoái thác vì bệnh từ chối không nhận. Về già rất trọng Thích giáo, trong nhà có lập đạo tràng sáu thời lễ sám. Tụng kinh Pháp Hoa một ngày trọn một bộ. Bỗng đêm sau, thấy một Đạo Nhân xưng là Nguyện Công, dung nghi kỳ lạ gọi Tiên là Thượng Hạnh tiên sinh, trao hương rồi bỏ đi. Đến niên hiệu Đại Thông thứ tư trong lúc ngủ bỗng mộng thấy Nguyện Công lại đến bảo chẳng thể sống lâu, nói xong thì ông mất. Ông thọ bảy mươi tám tuổi. Cả nhà đều nghe trên hư không có tiếng gọi lớn: Tiên sinh Thượng hạnh đã sinh cõi Tịnh Di-đà. Võ Đế nghe tin rất kính phục bèn ban Thụy hiệu là Trinh Tiết Xử Sĩ nói lên sự mạnh mẻ cao vời (xuất xứ từ Nam Sử).

10. Truyện về Vô Vi Tử Dương Đề Hình đời Đại Tống:

Ông húy là Kiệt, tự Thứ Công, người ở quận Vô vi, đạo hiệu là Vô Vi Tử. Văn tài cao nhã, tuổi trẻ thi đậu làm quan đến chức Thượng Thư Chủ Khách Lang, coi về hình ngục ở Lưỡng Triết. Nhưng ông rất tôn kính Phật Pháp, thấu ngộ Thiền tông những vị gánh được sự đánh, hét của Lâm Tế ở Giang tây ông còn gọi họ là hạng tầm thường. Ông lại mở rộng giáo quán Di-đà, dắt dẫn kẻ mới đến, bao gồm chỗ luận bàn, ông Bảo rằng căn cơ chúng sinh có lợi độn, gần mà dễ biết dễ làm thì chỉ có Tây phương Tịnh độ vậy. Chỉ cần nhất tâm quán niệm, gồm nhiếp tán tâm thì nhờ nguyện lực Di-đà mà sinh thẳng về An dưỡng, không có cõi nào khác, quyết chắc thành công. Ngài Long Thọ gọi đó là Đạo dễ làm vì nương vào năng lực người khác. Ông soạn lời tựa luận Thập Nghi của Thiên Thai, tựa Trực chỉ Tịnh độ Quyết Nghi Tập của Vương Cổ. Ông soạn Pháp Bảo Tăng Giám, Di-đà Bảo Các Ký, Anlạc Quốc Tam Thập Tán, Bị Trần Tây phương Yếu Tân, Thành Vi Vạn Thế Vãng Sinh Quy Giám. Ông có soạn Phụ Đạo tập, Chuyên Kỷ Phật Thừa, Tô Đông Pha soạn lời tựa lược nói rằng: Vô Vi Tử vốn xưa là Linh Cơ tham học khắp các tri thức, phàm kẻ gọi là có mắt Thước-Ca-la thì Thứ Công mục kích mà Đạo còn. Tuổi về già ông làm Giám Ti quận thú, bèn vẽ Tượng Di-đà trượng sáu để khi đi đường quán niệm, đến lúc qua đời cảm được Phật đến rước ngồi thẳng mà hóa. Có bài tụng rằng: Sinh cũng không đáng ham, Tử cũng không đáng bỏ, trong khoảng hư không rộng lớn, đâm lao theo lao Cực lạc Tây phương. Niên hiệu Tuyên Hòa, thần Kinh Vương phu nhân thức đến Tịnh độ thấy ông ngồi trên hoa sen thì chắc chắn được vãng sinh vậy. Song ở Triều Tống ta kẻ sĩ đại-phu rộng khen Tịnh Phương vào nhóm chánh định thì chỉ có hai người là ông và Vương Mẫn Trọng Thị Lang mà thôi. Há không phải là trời muốn đạo tồn tại lâu dài trên thế gian mà sinh ra người ấy ư?

11. Truyện về ở Vương Ty Sĩ Quang Châu đời Đại Tống:

Đời Đại Tống, Ty Sĩ Tham Quân Vương Trọng Hồi là người ở quận Vô vi. Vì ở quận Trần bổn đắp đê ngăn nước làm thủy lợi, Đại Ty Nông khảo biết được sự thật bèn mời về triều đình. Sau gia ân cho làm việc ấy. Tánh ông rất trung tín, không hề xét việc hay dở của người. Ông lại thông suốt toán số (bói toán) đến già tay vẫn không rời sách. Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài lúc đó ở Đạo Thiết Phật tràng cũng thường thưa hỏi ông mà xem ông là người tốt trong làng đáng nương cậy. Vào

những năm cuối niên hiệu Hy Ninh, tôi đem thi hài mẹ là Trường Thọ Thái Quân về an táng ở quê nhà, nhân rãnh rỗi mà xem Đại Tạng giáo điển. Bèn lấy duyên Tịnh độ vi diệu chỉ bày cho các cụ già. Lúc đó Ty Sĩ rất thành tín kính mến, nhưng chưa sâu chắc lắm. Đến đầu niên hiệu Nguyên Hựu, tôi tự là Tỉnh Vi xin làm thú ở Đơn Dương, đợi trên khe Cẩm Tú. Ty Sĩ lúc đó thấy người học hỏi không hề chống cự. Hỏi rằng kinh điển phần nhiều dạy niệm Phật sinh Tịnh độ, còn Tổ sư thì nói Tâm tức là Tịnh độ, không cần phải cầu sinh Tây phương, hai lời dạy không giống nhau là sao? Đáp: Thật tế lý địa không có Phật, không có chúng sinh, không vui không khổ, không thọ không yểu thì sao lại có tịnh, uế, há lại lấy sinh và chẳng sinh làm tâm ư? Đây là dùng Lý đoạt Sự. Nhưng ở cõi này thì là chúng sinh hay là Phật. Nếu là cảnh Phật thì chẳng phải chúng sinh Lại đâu có khổ vui, sống lâu, chết yểu, tịnh, uế, thử tự suy nghĩ, hoặc là hoàn cảnh chúng sinh chưa ra khỏi sinh tử thì đâu thể chẳng tin giáo điển dốc lòng niệm Phật mà cầu sinh Tịnh độ ư? Tịnh thì không uế, vui thì không khổ, thọ thì không yểu. Ở trong vô niệm mà khởi niệm, ở trong vô sinh mà cầu sinh. Đây là dùng sự mà đoạt lý. Cho nên kinh Duy-ma nói tuy biết các cõi Phật và chúng sinh là không mà thường tu Tịnh độ, giáo hóa chúng sinh, là nói điều này vậy. Hỏi: Làm sao biết được niệm không gián đoạn? Đáp: một khi tin rồi sau đó không còn nghi ngờ nữa, tức là chẳng gián đoạn. Ty Sĩ vui vẻ ra đi. Đến đêm tháng 12 năm thứ 2 thì tôi làm Thú ở Đơn Dương bỗng mộng thấy Ty Sĩ nói: Được ông chỉ cho Tịnh độ nay đã được sinh nên xin đến tạ từ. Bèn lạy rồi lui ra. Sáng hôm sau, mời Đơn Đồ Lệnh Trần An Chỉ đến kể lại giấc mộng. Bởi Trần Lệnh rất tin sâu Tịnh độ. Sau đó được con của Ty Sĩ đưa cáo phó đến mới biết Ty Sĩ đã mất trước đó bảy ngày, biết trước ngày mất nên từ biệt các người quen cũ. Em tôi là Tác cũng ở đó nghe lời từ biệt, cho nên biết ông chắc chắn sinh Tịnh độ.

Ngày 8 tháng 4 niên hiệu Nguyên Hựu thứ 4. Vô Vi Tử kính ghi.

Truyện này của Thứ Công thật chẳng thể bỏ. Chỉ việc luận sự lý đoạt nhau thì chẳng như Thai Tông gọi là "Viên quán sự lý một niệm đầy đủ câu nói một khi tin rồi sau đó không còn nghi ngờ nữa tức là không gián đoạn, là Ty Sĩ chuyển thân chỉ nói một lời này. Xưa, ngài Thiện Đạo hóa độ người có nói: Nếu người muốn mau được vãng sinh nên Khởi tu không gián đoạn, đó là cung kính, lễ bái, xưng danh khen ngợi, nhớ kỹ, quán sát, hồi hướng, phát nguyện, tâm tâm nối nhau không để các nghiệp khác làm đứt quãng. Cho nên nói là tu không gián đoạn. Lại nếu tham, sân, si đến cách ngăn thì hễ lúc nào phạm thì liền

sám hối. Không khiến cách niệm, cách ngày, cách giờ. Luôn khiến thanh tịnh cũng gọi là tu không gián đoạn. Nếu đến chết thề không bỏ nửa chừng thì chắc chắn vãng sinh. Bài văn này xuất xứ trong Đại tạng, Tập Chư kinh Lễ Sám Nghi ở hòm chữ Quần, Thứ Công xem tạng, lấy duyên Tịnh độ mà chỉ bày cho Ty Sĩ không phải thế sao?

12. Truyện về Hồ Tuyên Nghĩa Tiền Đường ở đời Đại Tống:

Tuyên Nghĩa húy là Nhân, tự là Đạt Phu, con của Hồ Thị Lang. Tánh rất thông minh, tâm địa sáng suốt. Chuyên sử sách, thích ngâm vịnh. Về già cai quản Tây hồ, ngày ngày thường dạo vui chơi thú. Tánh bình dị đơn giản. Phật thừa tuy đã tin nhưng không hề chuyên tu. Một hôm, con ông đến mời Luật sư Thanh Chiếu rằng: Cha con bệnh nặng xin thỉnh sư khuyên dạy. Sư đến gặp bảo: Tuệ Hanh tôi quen với Đạt Phu rất thân nhưng không hề nói, Nay việc lớn ở cuối đời há chẳng biết chỗ an thân lập mạng ư? Đạt Phu nói: Tâm tịnh thì cõi tịnh. Sư nói: Tuyên Nghĩa trong lúc này có tạp niệm nhiễm ô chăng? Đáp đã ở thế gian sao khỏi tạp niệm. Sư nói: nếu như thế thì đâu thể tâm tịnh cõi tịnh được. Đạt Phu liền hỏi: một câu xưng niệm A-di-đà Phật có công năng diệt hết trọng tội tám mươi ức kiếp sinh tử là sao? Sư nói: Phật A-di-đà kinh Pháp Hoa nói thì ngài đã trải qua trần kiếp tu hành, kinh Lăng nghiêm nói: Ta nhớ thuở xưa hằng sa kiếp số có Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Quang. Phật A-di-đà đã trải qua thời gian như thế sẽ thành tựu thân, thành tựu nước, y, chánh trang nghiêm có đại oai đức, có thệ nguyện lớn, ánh sáng thần lực chẳng thể suy nghĩ, bàn luận. Do đó một câu xưng niệm hồng danh muôn đức thì chúng sinh từ vô thỉ có trọng tội tám mươi ức kiếp sinh tử cũng tiêu trừ như mặt trời sáng rực rỡ làm tiêu tan sương mù. Đạt Phu bèn tỉnh ngộ, mới biết nguyện lực Di-đà công đức lớn như thế... Bèn nhất tâm niệm Phật. Lại nhiều ngày thỉnh tăng trợ niệm. Luật sư Tuyên Bạch gọi Hồ Công Tuyên Nghĩa, Đạt Phu liền nói: Phải xưng danh Hồ Nhân. Ngày hôm sau lại thỉnh các học trò đến trước, Luật sư đến sau. Đạt Phu hỏi: Sao đến muộn, đã làm phiền Quán Âm, Thế Chí giáng lâm từ lâu. Sư cùng đại chúng liền rất trịnh trọng niệm Phật. Hồ Công an nhiên mà hóa, thọ tám mươi bốn tuổi. Ngày thường không hề tu tập, một hôm bệnh khổ ép ngặt thì không chỗ nương nhờ. Vừa nghe Di-đà Pháp lợi liền dứt nhanh nghi tình mà siêu sinh Lạc quốc. Đó gọi là một niệm hồi quang lập tức đổi tà thành chánh, tức là người này vậy. Mới biết đạo này nối vết xe trước, ngõ hầu không cô phụ đời này.

13. Truyện về cư sĩ Long Thư Vương Hư Trung đời Đại Tống:

Quốc học tiến sĩ Vương Nhật Hưu tự là Hư Trung. Có trí tự hành, có bi dạy người, đã thấy trong bài tựa của Trương Vu Hồ, ở đây không kể lại. Ông là người ở Long Thư (Thơ) có soạn văn Tịnh độ, nhân đó lấy làm hiệu, văn của ông thịnh hành trên đời, thiên hạ tu Tịnh nghiệp đều đọc sách này. Vào niên hiệu Càn Đạo, Lý Ngạn Bật ở Lô Lăng bị bệnh thời khí đã liệm vào quan tài. Bỗng mộng thấy một người dáng vẻ thanh tao dùng, tay xoa khắp thân thể. Bật kinh hãi hỏi thì đáp là cư sĩ Long Thơ. Bật hỏi về bệnh của mình thì ông bảo ăn cháo trắng sẽ hết. Lại nói: Ông có nhớ Trọng Nhã đã dạy ông đường tắt chăng? Bật nói mỗi ngày tôi niệm Phật không ngớt. Bật tỉnh dậy bèn đòi cháo trắng, ăn xong thì bệnh lành. Sau đó thấy tượng vẽ ông giống y trong mộng. Bật kính trọng ông gọi là sinh tử cốt nhục. Bèn sai con cháu từ xa đến học với ông. Một hôm, con cháu Bật trở về bảo rằng đêm ấy cư sĩ giảng sách xong, như thường lệ lễ niệm, đến canh ba bỗng lớn tiếng niệm A-di-đà Phật mấy câu, rồi bảo Phật đến rước ta, và đứng sững mà hóa. Người trong nước đêm ấy có người nằm mộng thấy có hai người áo xanh dẫn ông đi về hướng Tây. Lại trước đó ba ngày ông từ biệt khắp các đạo hữu, khuyên cố gắng tu Tịnh nghiệp, có lời giã biệt sẽ không còn thấy nhau nữa. Ôi nếu chẳng phải hiểu đạo bổn tánh duy tâm, thấu suốt sự biến hóa của sinh tử thì không thể được như thế. Có kẻ nghi Bật nằm mộng là do tưởng mà thành. Bật nói: Việc chỉ ăn cháo trắng mà lành bệnh thì sao dối được. Lúc đó, Thừa tướng Ích Quốc Châu công là Tất Đại thấy việc lạ của ông bèn làm bài tán rằng: "Rực rỡ nhưng không cầu, kinh dị cũng không lo. Thương suy đổi sắp đến, nắm các thiện cùng hòa. Dắt dẫn nguồn nhân nghĩa, Dạy dỗ lấy vắng lặng làm vui. Đời biết ông có làm nhưng không biết vô vi ấy, trung đạo an nhiên, chỉ bày cho người chân giác." Ông Bật rất kính trọng không gì để báo ân bèn vẽ hình ông (Cư sĩ Long Thơ) mà thờ cúng và truyền khắp. Từ đó, xứ Lô Lăng nhà nhà đều thờ cúng ông. Chín năm sau, Hu Di Quân có Tín sĩ Nhiếp Duẫn Địch Khâm Công, cảnh hạnh siêu trác vượt hơn mọi người, muốn mãi mãi không hư hoại bèn khắc đá ở điện Di-đà để báo ân. Đến niên hiệu Khánh Nguyên thứ tư ở đất Việt có Chí Chánh Liễm Phán Tăng Công Tấn biết đời là hư huyễn, bèn ở nơi thanh tịnh kính mến chí của Long Thơ, Nguyện sinh về Tây. Có người anh ra làm quan nhặt được miếng đá này. Lại muốn mọi người tiến bộ, nhân đó lại khắc gỗ mà truyền khắp Giang Triết. Lòng dạy dỗ hướng thiện thật hợp cả trong

ngoài với Vương quân. một hôm Tông Hiểu gõ cửa nhà ông mong được chỉ bày. Nhân đó góp nhặt đầu đuôi để truyền bá không để mất.

14. Truyện về Chu Như Nhất đời Đại Tống ở Minh châu của Thiền sư Quất Châu Bảo Đàm.

Trước đây tôi có qua nơi gọi là Đạo tràng La-hầu-la, đến Khởi Tín Đường thì có vị Tỳ-kheo bảo tôi rằng: Chùa có việc vui ông biết chăng? Tôi ngoái nhìn bốn gốc cây dưới nhà đáp: được năm không lạnh mặt mũi mình chẳng hề gì phải không? Tỳ-kheo nói không phải. Rồi dẫn tôi lên nhà sám hối đưa hộp kinh Diệu Liên Hoa bảy quyển thêu bằng chỉ màu. Tôi chắp tay khen ngợi chưa từng có. Vị Tỳ-kheo nói: Do vợ của Tiết Quân là đạo nhân Chu Thị pháp danh Như Nhất làm ra. Chu thị tức là cháu hai đời của hoàng hậu Khâm Thành trong cung Uyên Thánh. Từ khi về ở với họ Tiết thì bà xem đời như bùn sình. Nên hơn hai mươi tuổi liền bảo với chồng là thích chốn thanh tịnh, ăn chay mặc áo đạo. Có lần bà dùng lụa vàng sai kinh Sinh viết kinh ấy rồi thêu chỉ xanh, đường chỉ khít mượt bóng như nét vẽ mới khô mực trải qua mười năm mới xong, sau lại có bức thêu Di-đà, Quán Âm không khác tranh vẽ. Từ tên kinh kính lạy đến tám mươi bốn ngàn lạy, một câu một chữ phàm xướng lễ đều lễ ba lạy. Văn kinh Pháp Hoa có mấy muôn chữ, chỉ trong ba tháng là lạy xong. Xem kinh Hoa Nghiêm, Bát-nhã, Lăng Nghiêm, Viên Giác cũng có hơn mấy ngàn bài kệ. Từng khắc gỗ thành tranh khuyên người tụng kinh A-di-đà đục lỗ làm dấu hơn mười muôn câu mới hết số. Hơn hai mươi muôn người được giáo hóa. Đạo nhân mỗi sáng tụng kinh, đêm đêm lạy Phật không chút mỏi mệt, ý rất vui mừng. Cất nhà bên mộ, một gian thờ Phật, một gian để ngồi thiền, một gian để viết kinh. Có một tỳ nữ dâng cơm chay cùng chịu khổ nhọc mà sức đàn ông có người không làm nổi. Mùa xuân năm nay đổi hết hộp cũ (bán nữ trang) đủ cho ba ngày hội hội kẻ đạo người tục mấy muôn người, cúng dường cả ngàn bí-sô, làm cờ báu, chứa kinh Pháp Hoa và tên tuổi người đồng niệm Phật đưa về chùa. Trong ngoài thành đều rúng động, các vợ đại sĩ phu đều kinh sợ. Tháng 12 bị bệnh, thầy thuốc đem đơn sa dâng, đạo nhân không dậy. Trong lúc nằm nhắm mắt bỗng trỗi dậy ngồi kiết già. Tiết Quân bảo: Nhà ta không có cách ấy bèn mời nằm xuống. Việc chôn cất theo nghi thức, đạo nhân nằm nghiêng hông phải mà mất, thọ ba mươi bảy tuổi vào ngày 11 tháng 12 niên hiệu Chiêu Hy thứ 4. Tôi nghe vị Tỳ-kheo nói mà bùi ngùi. Tôi biết việc này vì đời sau khuyến kính nên viết lời tán rằng.

Đạo nhân mặt như trăng rằm, ý chỉ sau cùng của Linh sơn, tâm hồi hướng Tịnh độ tha thiết tôi biết sẽ không trở lại thế gian. Lão Bàng Uẩn nói chẳng phải Thánh hiền rõ việc phàm phu. Lời nói này có ý tứ thay!